



CÔNG TY CỔ PHẦN
MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐÀ NẴNG

HỒ SƠ

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

(Tài liệu sử dụng trong ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 của các cổ đông)



Đà Nẵng, tháng 6 năm 2026

THƯ MỜI
HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

Kính gửi: Quý cổ đông Công ty Cổ phần Môi trường đô thị Đà Nẵng.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp năm 2022, 2025;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Môi trường đô thị Đà Nẵng được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua ngày 29 tháng 6 năm 2022;

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Môi trường đô thị Đà Nẵng trân trọng thông báo và kính mời Quý vị cổ đông đến dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026, nội dung như sau:

1. Thời gian: 7h30' ngày 11 tháng 6 năm 2026 (Thứ Năm).

2. Địa điểm: Hội trường tầng 3, Công ty Cổ phần Môi trường đô thị Đà Nẵng.
Địa chỉ: Số 471 Núi Thành, phường Hoà Cường, TP. Đà Nẵng.

3. Thành phần tham dự Đại hội:

Tất cả các Cổ đông của Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Đà Nẵng hoặc đại diện ủy quyền theo quy định (theo danh sách Cổ đông chốt đến ngày 14/5/2026).

3. Nội dung chính của Đại hội:

Chương trình, nội dung chính của Đại hội được đính kèm theo thư mời.

4. Tài liệu Đại hội

Tài liệu đại hội sẽ được Công ty công bố, cập nhật thường xuyên trên trang website của Công ty kể từ ngày 21/5/2026. Quý cổ đông vui lòng tải tài liệu Đại hội theo đường dẫn:

<https://moitruongdothidanang.com.vn/news/index/tin-co-dong-1.html>

5. Thủ tục tham dự đại hội:

Khi đến tham dự Đại hội, đề nghị Quý Cổ đông hoặc người được ủy quyền mang theo các giấy tờ sau:

- Thư mời họp để Ban tổ chức thu và lưu hồ sơ kiểm tra tư cách cổ đông;
- Căn cước công dân/ Thẻ căn cước hoặc Hộ chiếu;
- Giấy xác nhận tham dự hoặc ủy quyền tham dự và thư mời họp của người ủy quyền (trong trường hợp ủy quyền tham dự).

*** Lưu ý:**

- Mẫu Giấy xác nhận, Giấy ủy quyền lấy tại Website Công ty nêu ở trên;
- Người được ủy quyền không được ủy quyền lại cho người khác;

- Giấy xác nhận tham dự Đại hội, Giấy ủy quyền đề nghị quý cổ đông gửi về Ban Tổ chức Công ty trước **15 giờ 00 ngày 08 tháng 6 năm 2026**.

6. Mọi chi tiết liên hệ tới Đại hội, Quý cổ đông vui lòng liên hệ

Công ty Cổ phần Môi trường đô thị Đà Nẵng. Địa chỉ: 471 Núi Thành, phường Hòa Cường, TP. Đà Nẵng. Điện thoại: 0236-3622007.

Trân trọng kính mời!

Tài liệu đính kèm :

- Chương trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2026;
- Quy chế làm việc ĐHĐCĐ thường niên năm 2026;
- Các tài liệu, báo cáo được trình bày tại ĐHĐCĐ;
- Mẫu Giấy xác nhận tham dự ĐHĐCĐ;
- Mẫu Giấy ủy quyền tham dự ĐHĐCĐ.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Phạm Thanh Phúc



CHƯƠNG TRÌNH HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐÀ NẴNG
(Kèm Giấy mời số 34/GM-HĐQT ngày 19 tháng 5 năm 2026 của Hội đồng quản trị)

STT	Thời gian dự kiến	Nội dung
1	7h30' – 7h45'	Đăng ký tham dự họp Đại hội, kiểm tra tư cách cổ đông, nhận tài liệu, nhận thẻ biểu quyết và phiếu biểu quyết.
2	7h45' – 7h55'	- Ổn định tổ chức; - Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông. Điều kiện tiến hành họp Đại hội
3	7h55' – 8h10'	Giới thiệu và biểu quyết thông qua: - Chương trình Đại hội đồng CD thường niên năm 2026; - Thành phần Đoàn Chủ tọa, Ban Thư ký, Ban Kiểm phiếu; - Quy chế làm việc và thể lệ biểu quyết.
		Thông qua 4 nội dung bằng phiếu biểu quyết
4	8h10' – 8h20'	1. Báo cáo Hội đồng quản trị năm 2025.
5	8h20' – 8h30'	2. Báo cáo của Ban Kiểm soát năm 2025.
6	8h30' – 8h40'	3. Báo cáo Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026.
7	8h40' – 8h50'	4. Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán.
		Thông qua 4 nội dung bằng thẻ biểu quyết
8	8h50' – 9h00'	1. Tờ trình thông qua Phương án trích lập các quỹ, phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức năm 2025.
9	9h00' – 9h10'	2. Tờ trình thông qua Quyết toán mức tiền lương, thù lao, thưởng Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát thực hiện năm 2025; Đề xuất mức tiền lương Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2026.
10	9h10' – 9h20'	3. Tờ trình thông qua việc chọn đơn vị Kiểm toán độc lập năm 2026.
11	9h20' – 9h35'	4. Dự thảo Điều lệ Công ty Cổ phần Môi trường đô thị Đà Nẵng ban hành lần 03, sửa đổi bổ sung lần 02
12	9h35' – 9h45'	Đại hội thảo luận và biểu quyết thông qua từng nội dung
13	9h45' – 9h50'	Các nội dung kiến nghị khác đưa nào chương trình (nếu có).
14	9h50' – 10h05'	Giải lao. Ban kiểm phiếu làm việc.
15	10h05' – 10h10'	Công bố kết quả kiểm phiếu biểu quyết thông qua các nội dung trình Đại hội.
16	10h10' - 10h20'	Thông qua biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.
17	10h20' - 10h25'	Bế mạc Đại hội.



Đà Nẵng, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO

QUY CHẾ
Làm việc và thể lệ biểu quyết tại cuộc họp
Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi áp dụng

Quy chế làm việc này sử dụng cho việc tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Môi trường đô thị Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là Đại hội).

Điều 2. Quy chế này quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia Đại hội, điều kiện, thể thức tiến hành Đại hội và thể lệ biểu quyết.

Điều 3. Cổ đông và các bên tham gia Đại hội có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này.

Chương II
QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN THAM GIA ĐẠI HỘI

Điều 4. Cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông

1. Điều kiện tham dự Đại hội:

Các cổ đông sở hữu cổ phần Công ty Cổ phần Môi trường đô thị Đà Nẵng, người được ủy quyền tham dự hợp lệ.

2. Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông đủ điều kiện khi tham dự Đại hội.

a) Cổ đông, người được ủy quyền đến dự Đại hội cần mang theo các giấy tờ sau:

- Căn cước công dân/ Thẻ căn cước hoặc Hộ chiếu;
- Giấy ủy quyền (trường hợp được ủy quyền tham dự Đại hội).

b) Đăng ký tham dự Đại hội: Cổ đông hoặc người được ủy quyền xuất trình các giấy tờ trên cho Ban kiểm tra tư cách cổ đông và nhận tài liệu Đại hội, một thẻ biểu quyết chung và một phiếu biểu quyết.

c) Cổ đông được ủy quyền bằng văn bản cho người nhận ủy quyền thay mặt mình tham dự và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Người được ủy quyền tham dự Đại hội không được ủy quyền cho người khác tham dự Đại hội.

d) Cổ đông tham dự Đại hội có ý kiến thảo luận, cổ đông có thể đặt câu hỏi tại Bàn Thư ký Đại hội trước giờ Đại hội tiến hành thảo luận 15 phút, Chủ tọa Đại



hội sẽ sắp xếp ưu tiên cho các cổ đông dự Đại hội phát biểu theo thứ tự đã đăng ký, các ý kiến phát sinh sau trong quá trình tiến hành Đại hội sẽ được Chủ tọa đại hội ghi nhận, nếu đủ thời gian thì sẽ được giải đáp tại Đại hội, nếu không đủ thời gian thì sẽ được giải đáp bằng văn bản gửi kèm báo cáo kết quả Đại hội đến địa chỉ đăng ký của cổ đông. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự Đại hội phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình của Đại hội đã được thông qua, những vấn đề đã được người trước phát biểu thì không phát biểu lại để tránh trùng lặp. Chủ tọa sẽ sắp xếp cho cổ đông phát biểu theo thứ tự đăng ký, đồng thời giải đáp các thắc mắc của cổ đông. Chủ tọa Đại hội có quyền nhắc nhở cổ đông tập trung vào nội dung trọng tâm cần phát biểu hoặc dừng ngay lời phát biểu nếu nội dung phát biểu không theo đúng chương trình nội dung nghị sự của Đại hội để tiết kiệm thời gian và bảo đảm chất lượng thảo luận.

e) Tham gia biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo đúng quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty.

f) Các cổ đông, đại diện cổ đông khi tới dự họp Đại hội đồng cổ đông sau khi nghe báo cáo về các nội dung cần thông qua sẽ cùng thảo luận và thông qua bằng biểu quyết.

g) Trong thời gian tiến hành Đại hội, các cổ đông, người được ủy quyền phải tuân theo sự hướng dẫn của Đoàn Chủ tọa, ứng xử văn minh, lịch sự, không gây mất trật tự.

h) Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi Đại hội đã khai mạc, sau khi hoàn tất thủ tục đăng ký, được tham dự và tham gia biểu quyết về các nội dung cần biểu quyết còn lại theo chương trình Đại hội đã được thông qua. Trong trường hợp này, hiệu lực của những biểu quyết đã tiến hành không bị ảnh hưởng.

Điều 5. Đoàn Chủ tọa

1. Hội đồng quản trị (HDQT) triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026, nên Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông là Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty theo Điều 140 của Luật Doanh nghiệp năm 2020. Trường hợp Chủ tọa vắng mặt hoặc mất khả năng làm việc thì thực hiện theo Tiết a Khoản 1 Điều 4 Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

Đoàn Chủ tọa gồm 03 người do HDQT đề cử và được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.

2. Quyền và nghĩa vụ của Đoàn Chủ tọa:

a) Điều hành các hoạt động của Đại hội theo chương trình đã được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông. Tiến hành các công việc cần thiết để Đại hội đồng cổ đông diễn ra có trật tự; đúng quy định.

b) Hướng dẫn các cổ đông thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết các vấn đề nằm trong nội dung chương trình nghị sự của Đại hội và các vấn đề liên quan trong suốt quá trình Đại hội.

c) Trình dự thảo kết luận về những nội dung cần thiết để Đại hội biểu quyết.

d) Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu hoặc chỉ định người trả lời.

Điều 6. Ban Kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội

Ban kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội đồng cổ đông do HĐQT Công ty ra quyết định thành lập. Ban kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội có trách nhiệm kiểm tra tư cách của cổ đông hoặc người được ủy quyền đến họp, xác định tính hợp lệ theo quy định của pháp luật; Phát tài liệu Đại hội và các Thẻ biểu quyết; Báo cáo trước Đại hội và chịu trách nhiệm về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội trước khi Đại hội chính thức được tiến hành.

Điều 7. Ban thư ký Đại hội

1. Ban thư ký do Chủ tọa chỉ định gồm 02 người: 01 là Thư ký Công ty và 01 là người lao động Công ty.

2. Ban thư ký thực hiện các công việc trợ giúp theo phân công của Chủ tọa, bao gồm:

- a) Ghi chép đầy đủ, trung thực các nội dung Đại hội.
- b) Hỗ trợ Đoàn Chủ tọa công bố dự thảo Biên bản và Nghị quyết của Đại hội, thông báo của Đoàn Chủ tọa gửi đến các cổ đông khi được yêu cầu.
- c) Tiếp nhận phiếu đăng ký phát biểu của các cổ đông.
- d) Nhận kết quả kiểm phiếu từ Ban kiểm phiếu gửi để ghi chép, lưu vào Biên bản và Nghị quyết, thông báo kết quả kiểm phiếu trước khi bế mạc Đại hội.

Điều 8. Biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội

- **Thẻ biểu quyết chung (màu hồng)**: Để thông qua Quy chế làm việc và Thẻ lệ biểu quyết tại Đại hội; Chương trình làm việc của Đại hội; Biểu quyết thông qua Đoàn Chủ tọa, Thư ký Đại hội, Ban Kiểm phiếu; Biên bản, Nghị quyết Đại hội và một số vấn đề phát sinh ngay tại Đại hội.

Cổ đông biểu quyết bằng cách giơ Phiếu biểu quyết theo sự điều khiển của Chủ tọa Đại hội để lấy ý kiến biểu quyết: Tán thành hoặc Không tán thành hoặc Không có ý kiến đối với từng nội dung nêu trên, tương ứng mỗi nội dung được sự đồng ý tán thành trên 50% hoặc từ 65% số cổ phần được quyền biểu quyết tham dự Đại hội thì nội dung đó được thông qua.

- **Phiếu biểu quyết (màu trắng)**: Thể hiện các nội dung chính trong Đại hội: lấy ý kiến biểu quyết của cổ đông và được cổ đông bỏ phiếu tại hòm phiếu sau khi kết thúc các nội dung đã biểu quyết thông qua để Ban kiểm phiếu thu hồi, tiến hành kiểm phiếu và lập biên bản công bố trước khi bế mạc Đại hội.

Cổ đông biểu quyết và bầu cử bằng Phiếu biểu quyết đối với các nội dung chính của Đại hội bằng cách đánh dấu chéo (X) vào ô Tán thành hoặc Không tán thành hoặc Không có ý kiến của từng nội dung được nêu trong Phiếu biểu quyết sau khi đã được nghe báo cáo các nội dung cần biểu quyết (có trong tài liệu của cổ đông).

* Phiếu biểu quyết không hợp lệ là phiếu không do Công ty phát hành; ghi thêm nội dung, thông tin khác, phiếu bị gạch xóa, sửa chữa, rách, không còn nguyên vẹn; hoặc cổ đông không ký tên vào Phiếu biểu quyết. Phiếu biểu quyết

22864
CÔNG TY
PHÂN
HÀNH
ĐẠI
HỘI

không thể hiện rõ ràng ý kiến của cổ đông cụ thể là không đánh dấu (X) và ô ý kiến nào hoặc đánh dấu (X) từ 2 ý kiến trở lên đối với nội dung cần lấy ý kiến biểu quyết/bầu cử nào thì phần biểu quyết đối với nội dung đó là không hợp lệ.

* Trong một phiếu biểu quyết, các nội dung cần lấy ý kiến được biểu quyết độc lập với nhau. Sự không hợp lệ của phần biểu quyết nội dung này sẽ không ảnh hưởng đến tính hợp lệ của các nội dung khác.

Điều 9. Ban Kiểm phiếu

1. Ban Kiểm phiếu do Ban tổ chức Đại hội giới thiệu để Đại hội quyết định, gồm 05 thành viên.

2. Ban Kiểm phiếu có nhiệm vụ:

a. Giám sát việc biểu quyết của các cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền tham dự Đại hội;

b. Lập biên bản kiểm phiếu và công bố trước Đại hội đồng cổ đông;

c. Chuẩn bị hòm phiếu, tiến hành thu phiếu, kiểm phiếu và báo cáo về kết quả kiểm phiếu cho Ban thư ký để lưu vào biên bản và công bố trước khi bế mạc Đại hội.

Chương III TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI

Điều 10. Điều kiện tiến hành Đại hội

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% (năm mươi phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông chốt đến ngày 14/5/2026.

Điều 11. Nội dung chương trình Đại hội

1. Báo cáo Hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Môi trường đô thị Đà Nẵng năm 2025 và phương hướng hoạt động năm 2026.

2. Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2025.

3. Báo cáo Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026.

4. Tờ trình thông qua báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán.

5. Tờ trình về việc trích lập các quỹ, phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức năm 2025.

6. Tờ trình về mức tiền lương, thù lao, thưởng năm 2025 và mức tiền lương kế hoạch năm 2026 của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

7. Tờ trình về việc chọn đơn vị Kiểm toán độc lập kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026.

8. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty cổ phần Môi trường đô thị Đà Nẵng

9. Một số nội dung liên quan khác theo điều khiển của Đoàn Chủ tọa.

Điều 12. Thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Nghị quyết, quyết định về nội dung của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 về các vấn đề trong chương trình Đại hội được thông qua khi được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của tất cả các cổ đông và đại diện cổ đông dự họp chấp thuận. Trừ nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty phải được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu có quyền biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết dự họp tán thành (quy định tại khoản 2 Điều 24 Điều lệ Công ty).

Điều 13. Biên bản và Nghị quyết cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Biên bản Đại hội đồng cổ đông phải lập xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp.
2. Biên bản Đại hội đồng cổ đông phải được Thư ký Đại hội giao và lưu trữ tại Công ty Cổ phần Môi trường đô thị Đà Nẵng.
3. Các nội dung đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua sẽ được thể hiện tóm tắt trên Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo đúng quy định của Điều lệ Công ty.

Chương IV ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 14. Tổ chức thực hiện

1. Quy chế này gồm có 4 Chương 14 Điều do Ban tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Môi trường đô thị Đà Nẵng soạn thảo và có hiệu lực thi hành ngay khi được Đại hội biểu quyết thông qua.
2. Các Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông, thành viên Ban Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Môi trường đô thị Đà Nẵng chịu trách nhiệm thi hành Quy chế này./.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

BÁO CÁO

Hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Môi trường đô thị Đà Nẵng năm 2025 và phương hướng hoạt động năm 2026

Thực hiện Luật Doanh nghiệp năm 2020, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp năm 2025, Điều lệ và Quy chế Quản trị Công ty Cổ phần Môi trường đô thị Đà Nẵng, Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty Cổ phần Môi trường đô thị Đà Nẵng báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của HĐQT năm 2025 như sau:

I. Đánh giá hoạt động của Công ty năm 2025

1. Về nhân sự

Hội đồng quản trị gồm 05 Thành viên (gồm: 03 thành viên điều hành và 02 thành viên không điều hành). Trong đó:

- Thành viên HĐQT điều hành:

+ Ông Phạm Thanh Phúc, Chủ tịch HĐQT;

+ Ông Võ Minh Đức, Thành viên HĐQT-Tổng Giám đốc;

+ Bà Hoàng Thị Ngọc Hiếu, Thành viên HĐQT- Phó Tổng Giám đốc;

- Thành viên HĐQT không điều hành:

+ Ông Phan Công Tư;

+ Ông Nguyễn Thành Nam.

- Thành viên Ban kiểm soát bao gồm:

+ Bà Võ Thị Mận - Trưởng Ban kiểm soát;

+ Bà Huỳnh Thị Thanh Nhân - Thành viên Ban kiểm soát không chuyên trách;

+ Bà Phan Nguyễn Trúc Ly - Thành viên Ban kiểm soát không chuyên trách.

- Ban điều hành Công ty bao gồm: Ông Võ Minh Đức - Tổng Giám đốc; Bà Hoàng Thị Ngọc Hiếu - Phó Tổng giám đốc; Bà Võ Thị Huỳnh Trang - Phó Tổng giám đốc; Ông Nguyễn Đăng Huy - Phó Tổng giám đốc; Ông Diệp Nguyễn Thế Quang - Phụ trách Kế toán Công ty.

2. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025:

Trong năm 2025, với tình hình kinh tế thị trường có nhiều biến động, giá nguyên nhiên liệu, vật tư ngày càng tăng cao, dẫn đến chi phí doanh nghiệp tăng, trong khi giá dịch vụ tối đa thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt trên địa bàn thành phố Đà Nẵng áp dụng từ năm 2018 chưa được điều chỉnh. Trước những khó khăn, thách thức nêu trên, Công ty đã chủ động xây dựng các giải pháp, nỗ lực



trong hoạt động đầu tư mua sắm phương tiện, trang thiết bị, thay đổi quy trình sản xuất để phục vụ tốt hơn công tác vệ sinh đô thị, thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải và hoàn thành vượt kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 (đây là mức tăng cao nhất từ sau dịch Covid 19), cụ thể:

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2025 (Nghị quyết 09/NQ-ĐHĐCĐ)	Thực hiện 2025	Tăng (+), giảm (-) (%)
A	A. Tổng doanh thu	274.624.878.514	289.227.933.762	+5,31%
1	Doanh thu cung cấp dịch vụ	270.425.859.996	283.206.407.945	+1,05%
2	Doanh thu cung cấp dịch vụ (ngoài đặt hàng)	3.462.962.963	5.119.816.250	+4,72%
3	Thu khác	736.055.556	901.709.567	+22,50%
B	Tổng chi phí	266.402.603.631	278.970.606.134	+ 4,71%
I	Chi phí trực tiếp sản xuất	250.110.490.297	263.995.212.846	+ 5,55%
II	Giá vốn	0	6.363.637	
III	Chi phí quản lý doanh nghiệp	15.738.247.734	14.408.135.440	-8,45%
IV	Chi phí khác	553.865.600	560.894.211	+1,26%
C	Lợi nhuận trước thuế	8.222.274.883	10.268.916.931	+24,89%

* **Ghi chú:** Số liệu nêu trên đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC soát xét báo cáo tài chính năm 2025.

- Khối lượng chất thải rắn thông thường tiếp nhận và xử lý thực hiện đến 31/12/2025: 572.838,17 tấn tăng gần 10% so với khối lượng thực hiện năm 2024 (520.769,58 tấn).

II. Hoạt động của HĐQT

1. Hoạt động liên quan đến Đại hội đồng cổ đông

- Trong năm 2025, HĐQT Công ty đã triệu tập và tổ chức 01 phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên (Nghị quyết số 09/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/6/2025) thông qua các nội dung như sau:

+ Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2024 và phương hướng hoạt động năm 2025;

+ Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2024;

+ Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025;

+ Báo cáo Tài chính năm 2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC;

+ Thống nhất Trích lập các quỹ, phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức năm 2024;

+ Tạm thời thông qua số liệu tiền lương, thù lao, thưởng năm 2024 và mức tiền lương kế hoạch năm 2025 của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;

2. Về công tác quản lý điều hành của HĐQT

Tổ chức cuộc họp Đại hội cổ đông thường niên năm 2025;

Hội đồng quản trị đã thường xuyên giám sát chặt chẽ, theo dõi công tác quản lý điều hành của Tổng giám đốc (TGD) và kịp thời điều chỉnh cho phù hợp với chủ trương, định hướng do Đại hội đồng cổ đông, phần đầu hoàn thành các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Cụ thể trong việc tham gia đầu thầu và thực hiện cung ứng dịch vụ: vệ sinh môi trường đô thị, sông Hàn do UBND quận, huyện sau này là UBND phường, xã; quét, thu gom, vận chuyển chất thải rắn do Công ty Quản lý và Phát triển các chợ Đà Nẵng; vệ sinh môi trường ven biển, rừng, phòng hộ và các điểm du lịch trên bán đảo Sơn Trà do Sở Du lịch TP Đà Nẵng (trước đây) làm chủ đầu tư; cung cấp dịch vụ vận chuyển, xử lý chất thải rắn thông thường đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ trên địa bàn thành phố Đà Nẵng (cũ); xử lý chất thải bằng biện pháp chôn lấp tại bãi rác Khánh Sơn do Sở Nông nghiệp và Môi trường TP Đà Nẵng làm chủ đầu tư.

Phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh và giám sát việc triển khai thực hiện nhất trong lĩnh vực tài chính, đầu tư, mua sắm,...chăm lo đời sống, thu nhập cho người lao động; nhằm đảm bảo TGD bám sát, nỗ lực thực hiện các chỉ tiêu Kế hoạch sản xuất kinh doanh và thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2025 được Đại hội cổ đông thông qua bằng Nghị quyết tại cuộc họp Đại hội cổ đông thường niên Công ty năm 2025;

Thông qua nghị quyết để thực hiện điều động, luân chuyển, bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo quản lý phù hợp với nhu cầu công tác cán bộ và tình hình hoạt động sản xuất của Công ty;

Phê duyệt việc: sáp nhập phòng Kỹ thuật và phòng Công nghệ Môi trường thành phòng “Kỹ thuật-Môi trường” thuộc Công ty Cổ phần Môi trường đô thị Đà Nẵng; tái cơ cấu bộ máy Công ty theo mô hình Đội Môi trường mới thực hiện theo mô hình chính quyền 02 cấp, theo đó chấm dứt hoạt động của Chi nhánh Xí nghiệp Môi trường: Hải Châu, Thanh Khê, Cẩm Lệ 1, Cẩm Lệ 2, Sơn Trà, Ngũ Hành Sơn, Hoà Vang, Sông Biển và thành lập Chi nhánh Đội Môi trường: Hải Châu, Hoà Cường, Thanh Khê, Cẩm Lệ, Sơn Trà, Ngũ Hành Sơn, Hoà Vang và Sông Biển;

Ban hành Quy chế hoạt động của Chi nhánh Đội Môi trường trực thuộc Công ty Cổ phần Môi trường đô thị Đà Nẵng;

Giám sát, chỉ đạo TGD thực hiện: lập các báo cáo định kỳ, bất thường và công bố thông tin theo quy định của pháp luật; chấp hành và tuân thủ quy định Pháp luật, Điều lệ và Quy chế của Công ty;

Chủ tịch HĐQT tham gia dự họp giao ban định kỳ cùng TGD giám sát, đồng thời tham gia chỉ đạo, định hướng hoạt động của Công ty;

HĐQT thảo luận, thông qua các vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty bằng Nghị quyết sau mỗi kỳ họp HĐQT hoặc tổ chức lấy ý kiến các Thành viên HĐQT bằng văn bản, ban hành Quyết định, Thông báo làm cơ sở TGD tổ chức triển khai thực hiện. Trên cơ sở đó theo dõi, giám sát và chỉ đạo TGD thực hiện các công việc theo nội dung Nghị quyết, Quyết định và Thông báo của HĐQT ban hành;

0228
ĐNG T
S PHA
TRUK
ĐO TH
A NAI
PHO F

HĐQT đã thực hiện tốt công tác công bố thông tin và quan hệ cổ đông theo quy định của pháp luật đối với Công ty đại chúng.

3. Về các hoạt động của Hội đồng quản trị

Trong năm 2025, Hội đồng quản trị Công ty đã tổ chức 04 phiên họp thảo luận (ngày 25/3/2025, 10/6/2025, 24/9/2025 và 22/12/2025) và 89 lần tổ chức lấy ý kiến các thành viên qua đó đã ban hành 16 Nghị quyết (trong đó 1 Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên), 102 Quyết định và 41 văn bản về các vấn đề liên quan đến hoạt động điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty thuộc thẩm quyền quyết định, phê duyệt của HĐQT. (*Thống kê các Nghị quyết, Quyết định tại Phụ lục kèm theo*).

4. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban điều hành

Qua hoạt động chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, Hội đồng quản trị đánh giá hoạt động của Ban điều hành trong năm 2025 như sau:

- Ban điều hành về cơ bản đã thực thi nhiệm vụ theo đúng chức năng, thẩm quyền phân cấp quản trị theo Điều lệ Công ty, thực hiện tương đối tốt các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết Hội đồng quản trị;

- Thực hiện nghiêm túc các quy định về công bố thông tin. Tuân thủ đầy đủ chế độ báo cáo định kỳ hoặc đột xuất khi có yêu cầu và tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;

- Tổng Giám đốc đã có các báo cáo đầy đủ, chi tiết, chính xác và cung cấp thông tin kịp thời cho HĐQT và BKS;

- Nhìn chung, Công ty đã có nhiều nỗ lực trong hoạt động sản xuất kinh doanh, tuy nhiên tiến độ triển khai các yêu cầu của HĐQT vẫn còn chậm so với tiến độ đã phê duyệt; còn một số nội dung đến nay đã và đang thực hiện như:

- + Điều chỉnh Giá dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt thay thế đơn giá tại Quyết định số 33/2017/QĐ-UBND ngày 18/11/2017;

- + Triển khai đầu tư Dự án nâng cấp mở rộng khu xử lý chất thải nguy hại Khánh Sơn (Dự án Đầu tư nâng cấp mở rộng khu xử lý chất thải nguy hại Khánh Sơn triển khai từ năm 2020 nhưng vì nhiều lý do đến nay UBND thành phố Đà Nẵng đã có quyết định thu hồi đất của Dự án);

- + Việc tổ chức giám sát, kiểm tra chất lượng, tiến độ công việc thực hiện tại các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc đôi lúc còn chưa kịp thời và nghiêm túc dẫn đến tình trạng chậm tiến độ, chất lượng chưa đảm bảo;

- + Chất lượng nguồn nhân lực của Công ty vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu trong tình hình mới, chưa có giải pháp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

IV. Phương hướng hoạt động năm 2026

1. Công tác quản trị:

Thực hiện xây dựng chỉnh sửa Điều lệ Công ty theo quy định của pháp luật hiện hành để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua;

Xây dựng, điều chỉnh các quy chế như: Quản lý tài chính, chi tiêu nội bộ, khen thưởng, kỷ luật,...tuân thủ theo quy định của pháp luật và phù hợp với hoạt động của Công ty.

2. Công tác quản trị tài chính

Hội đồng quản trị tập trung chú trọng Công tác quản lý tài chính tại Công ty bằng các biện pháp cụ thể như:

- Ban hành chi tiết kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 để theo dõi, kiểm soát doanh thu và chi phí;
- Nâng cao hiệu quả quản trị tài chính, tiết giảm chi phí hoạt động;
- Định kỳ yêu cầu báo cáo công tác kiểm tra, kiểm soát chi tiêu tài chính trong hoạt động kinh doanh, trong xây dựng cơ bản, mua sắm tài sản,...;
- Giám sát việc thực hiện các yêu cầu của Ban Kiểm soát đối với hoạt động tài chính;
- Yêu cầu báo cáo và cho phép việc phân bổ, hạch toán, xử lý các khoản nợ,..
- Công khai minh bạch tài chính đảm bảo theo quy định của Pháp luật. Thực hiện tốt công tác công bố thông tin và quan hệ cổ đông.
- Đề xuất Đại hội đồng cổ đông thống nhất ủy quyền Hội đồng quản trị thực hiện các nội dung quy định tại Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ và Khoản 84 Điều 1 Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025 của Chính phủ.

3. Công tác quản trị nhân sự

- Chỉ đạo Ban điều hành tiếp tục thực hiện có hiệu quả phương án tái cơ cấu Công ty phù hợp với mô hình hoạt động chính quyền địa phương 2 cấp.
- Tiếp tục rà soát, hoàn thiện các Quy chế nội bộ của Công ty; cải tiến các quy trình sản xuất, hình thức quản lý không còn phù hợp; xây dựng, điều chỉnh đơn giá, mô hình khoán, quy chế trả lương thưởng và các nội quy, quy chế khác của Công ty phù hợp theo các quy định Nhà nước ban hành, điều chỉnh mới;
- Chú trọng công tác tuyển dụng, tăng cường đào tạo chuyên môn nghiệp vụ, định kỳ kiểm tra tay nghề nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ quản lý, người lao động,... đáp ứng các yêu cầu về nhân sự trong các gói thầu vệ sinh môi trường đô thị mà Công ty tham gia tại các phường, xã trong các giai đoạn tiếp theo.
- Đẩy mạnh nghiên cứu thực hiện cơ giới hóa phương tiện thu gom, vận chuyển rác tiến đến giảm dần các công việc thực hiện bằng hình thức thủ công, giảm số lượng lao động trực tiếp.

4. Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chính năm 2026

- Tốc độ tăng trưởng tổng doanh thu tối thiểu 3% so với năm 2025;
- Lợi nhuận trước thuế tăng tối thiểu 1,2% so với năm 2025;
- Tỷ lệ chi trả cổ tức/vốn điều lệ tối thiểu 6%.

5. Về hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban điều hành

- Trên cơ sở kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026, HĐQT phối hợp với BKS tăng cường theo dõi, giám sát công tác điều hành sản xuất kinh doanh của Ban điều hành trong việc thực hiện: Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên

năm 2026; Nghị quyết của HĐQT; việc thực hiện Điều lệ, các Quy chế điều chỉnh bổ sung của Công ty. Các thành viên HĐQT phải thực hiện có hiệu quả vai trò trách nhiệm, nghĩa vụ theo đúng Điều lệ, Quy chế nội bộ về Quản trị, Quy chế hoạt động của HĐQT đảm bảo hoàn thành kế hoạch năm 2026;

- Định kỳ hằng tháng và trong các cuộc họp HĐQT, Tổng Giám đốc báo cáo các chỉ tiêu chính về hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính; phương hướng trong thời gian đến cho HĐQT xem xét, đánh giá việc thực hiện, chỉ đạo kịp thời; cũng như ban hành các chủ trương để Tổng Giám đốc triển khai thực hiện cho phù hợp với điều kiện sản xuất kinh doanh.

Trên đây là Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty năm 2025 và phương hướng hoạt động năm 2026. Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Phạm Thanh Phúc

Phụ lục. Bảng thống kê Nghị quyết, Quyết định của HĐQT năm 2025
(Đính kèm Báo cáo số 30/BC-HĐQT ngày 29 tháng 5 năm 2026 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Môi trường đô thị Đà Nẵng)

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày, tháng, năm ban hành	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
A	Nghị quyết			
1	01/NQ-HĐQT	21/02/2025	Về phương án giao khoán sản xuất kinh doanh Xí nghiệp Môi trường Sông biển trực thuộc Công ty	100%
2	02/NQ-HĐQT	25/3/2025	Phiên họp HĐQT ngày 25/3/2025	100%
3	03/NQ-HĐQT	25/3/2025	Về kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025	100%
4	04/NQ-HĐQT	14/4/2025	Về việc sáp nhập phòng Kỹ thuật và phòng Công nghệ Môi trường thành “phòng Kỹ thuật – Môi trường” thuộc Công ty Cổ phần Môi trường đô thị Đà Nẵng	100%
5	05/NQ-HĐQT	17/4/2025	Về việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025	100%
6	06/NQ-HĐQT	26/4/2025	Về việc phân công nhiệm vụ cán bộ lãnh đạo quản lý	100%
7	07/NQ-HĐQT	10/6/2025	Phiên họp HĐQT ngày 10/6/2025	100%
8	08/NQ-HĐQT	24/6/2025	Về việc phê duyệt kế hoạch lao động năm 2025	100%
9	09/NQ-ĐHĐCĐ	26/6/2025	(Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025)	100%
10	10/NQ-HĐQT	04/7/2025	Về việc chi trả cổ tức năm 2025	100%
11	11/NQ-HĐQT	24/9/2025	Phiên họp HĐQT ngày 24/9/2025	100%
12	12/NQ-HĐQT	14/10/2025	Về việc bổ nhiệm, phân công nhiệm vụ cán bộ	100%
13	13/NQ-HĐQT	03/11/2025	Về việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025	100%
14	14/NQ-HĐQT	04/11/2025	Về việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025	100%
15	15/NQ-HĐQT	22/12/2025	Phiên họp HĐQT ngày 22/12/2025	100%
16	16/NQ-HĐQT	22/12/2025	Về việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2026 của Công ty Cổ phần Môi trường đô thị Đà Nẵng	100%
B	Quyết định			
1	01/QĐ-HĐQT	03/01/2025	Về việc phê duyệt kết quả lựa chọn đơn vị cung cấp nhiên liệu phục vụ sản xuất quý 1/2025	100%
2	02/QĐ-HĐQT	03/01/2025	Về việc phê duyệt kết quả lựa chọn đơn vị cung cấp sẫm lớp phục vụ sản xuất quý 1/2025	100%

3	03/QĐ-HĐQT	10/01/2025	Về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, dự toán Gói thầu: “Cung cấp vi sinh xử lý mùi hôi Bio Systems WHC” và “Cung cấp dịch vụ xử lý côn trùng (Ruồi, muỗi và các sinh vật có hại)”	100%
4	04/QĐ-HĐQT	15/01/2025	Về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, dự toán Gói thầu: Thuê phương tiện cơ giới phục vụ xúc dọn, vận chuyển rác thải	100%
5	05/QĐ-HĐQT	17/01/2025	Về việc phê duyệt Dự toán thuê nhân công, ca máy thực hiện các hạng mục công việc dịch vụ công ích vệ sinh môi trường trên địa bàn thành phố Đà Nẵng trong quý 1/2025	100%
6	06/QĐ-HĐQT	17/01/2025	Về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành Gói thầu: Mua sắm thùng rác 240 lít và thùng rác 660 lít	100%
7	07/QĐ-HĐQT	17/01/2025	Về việc phê duyệt Hồ sơ mời thầu, E-HSMT Gói số 1: Thuê phương tiện cơ giới xúc dọn và vận chuyển rác thải, thuộc Kế hoạch lựa chọn nhà thầu: Thuê phương tiện cơ giới phục vụ xúc dọn, vận chuyển rác thải	100%
8	08/QĐ-HĐQT	24/01/2025	Về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án, dự toán mua sắm: Mua sắm sắm lớp	100%
9	09/QĐ-HĐQT	24/01/2025	Về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án, dự toán mua sắm: Mua sắm nhiên liệu phụ	100%
10	10/QĐ-HĐQT	24/01/2025	Về việc huỷ thầu Gói thầu: Phần mềm và truyền dẫn dữ liệu thuộc dự án: Cung cấp các dịch vụ vận hành Trung tâm điều hành sản xuất tập trung	100%
11	11/QĐ-HĐQT	24/01/2025	Về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu qua mạng của Gói thầu: Gói số 1: Thuê phương tiện cơ giới xúc dọn và vận chuyển rác thải, thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu: Thuê phương tiện cơ giới phục vụ xúc dọn, vận chuyển rác thải. thuộc dự án/ dự toán mua sắm: Thuê phương tiện cơ giới phục vụ xúc dọn, vận chuyển rác thải	100%
12	12/QĐ-HĐQT	05/02/2025	Về việc phê duyệt quyết toán hoàn thành gói thầu mua sắm nhiên liệu phụ phục vụ sản xuất quý 1/2025	100%
13	13/QĐ-HĐQT	05/02/2025	Về việc phê duyệt quyết toán hoàn	100%

			thành gói thầu mua sắm sắm lớp phục vụ sản xuất quý 1/2025	
14	14/QĐ-HĐQT	03/3/2025	Về việc phê duyệt Hồ sơ mời thầu, E-HSMT Gói thầu: Gói số 1: Mua sắm sắm lớp thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu: Mua sắm sắm lớp thuộc dự án/ dự toán mua sắm: Mua sắm sắm lớp	100%
15	15/QĐ-HĐQT	03/3/2025	Về việc phê duyệt Hồ sơ mời thầu, E-HSMT Gói thầu: Gói số 1: Mua sắm nhiên liệu phụ thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu: Mua sắm nhiên liệu phụ thuộc dự án/ dự toán mua sắm: Mua sắm nhiên liệu phụ	100%
16	16/QĐ-HĐQT	03/3/2025	Về việc phê duyệt số lượng, đơn giá và dự toán mua sắm Gói thầu: Cung cấp nhiên liệu (Dầu Diesel và xăng)	100%
17	17/QĐ-HĐQT	03/3/2025	Về việc phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án: Trung tâm điều hành sản xuất tập trung	100%
18	18/QĐ-HĐQT	05/3/2025	Về việc phê duyệt giá trị thanh quyết toán Gói thầu: Gói số 1: Thuê phương tiện cơ giới xúc dọn và vận chuyển rác thải thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu: Thuê phương tiện cơ giới phục vụ xúc dọn, vận chuyển rác thải thuộc dự án/ dự toán mua sắm: Thuê phương tiện cơ giới phục vụ xúc dọn, vận chuyển rác thải	100%
19	19/QĐ-HĐQT	07/3/2025	Về việc phê duyệt E-HSMT gói thầu Cung cấp vi sinh xử lý mùi hôi Bio-Systems BioHug WHC thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu Cung cấp vi sinh xử lý mùi hôi Bio-Systems BioHug WHC và Cung cấp dịch vụ xử lý côn trùng (Ruồi, muỗi và các sinh vật có hại) thuộc dự án/ dự toán mua sắm Cung cấp vi sinh xử lý mùi hôi Bio-Systems BioHug WHC và Cung cấp dịch vụ xử lý côn trùng (Ruồi, muỗi và các sinh vật có hại)	100%
20	20/QĐ-HĐQT	13/3/2025	Về việc phê duyệt giá khởi điểm và phương thức thực hiện thanh lý tài sản phương tiện đã hư hỏng	100%
21	21/QĐ-HĐQT	13/3/2025	Về việc phê duyệt E-HSMT gói thầu Cung cấp dịch vụ xử lý côn trùng (Ruồi, muỗi và các sinh vật có hại) thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu Cung	100%

			cấp vi sinh xử lý mùi hôi Bio-Systems BioHug WHC và Cung cấp dịch vụ xử lý côn trùng (Ruồi, muỗi và các sinh vật có hại)	
22	22/QĐ-HĐQT	13/3/2025	Về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án, dự toán mua sắm: Cung cấp nhiên liệu (Dầu Diesel và xăng)	100%
23	23/QĐ-HĐQT	18/3/2025	Về việc phê duyệt chủ trương và dự toán Mua sắm 01 xe ô tô chuyên dùng quét đường, hút bụi rác	100%
24	24/QĐ-HĐQT	26/3/2025	Về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu: Mua sắm 01 xe ô tô chuyên dùng quét đường, hút bụi rác	100%
25	25/QĐ-HĐQT	27/3/2025	Về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu qua mạng của gói thầu: Mua sắm sắm lốp	100%
26	26/QĐ-HĐQT	27/3/2025	Về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu qua mạng của gói thầu: Mua sắm nhiên liệu phụ	100%
27	27/QĐ-HĐQT			
28	28/QĐ-HĐQT	31/3/2025	Về việc phê duyệt E-HSMT gói thầu: Cung cấp dịch vụ phần mềm quản lý và truyền dẫn dữ liệu về Trung tâm điều hành sản xuất tập trung	100%
29	29/QĐ-HĐQT	08/4/2025	Về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu qua mạng gói thầu: Cung cấp vi sinh xử lý mùi hôi Bio-Systems Biobug WHC	100%
30	30/QĐ-HĐQT	17/4/2025	Về việc phê duyệt Hồ sơ mời thầu (E-HSMT) Gói thầu: Mua sắm 01 xe ô tô chuyên dùng quét đường, hút bụi rác	100%
31	31/QĐ-HĐQT	22/4/2025	Về việc phê duyệt Hồ sơ mời thầu (E-HSMT) Gói thầu: Cung cấp nhiên liệu (Dầu Diesel và xăng)	100%
32	32/QĐ-HĐQT	26/4/2025	Về việc ban hành định mức nhiên liệu, đơn giá nhân công “Công tác thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt 300kg/ngày”	100%
33	33/QĐ-HĐQT	29/4/2025	Về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu qua mạng gói thầu: Cung cấp dịch vụ phần mềm quản lý và truyền dẫn dữ liệu về Trung tâm điều hành sản xuất tập trung	100%
34	34/QĐ-HĐQT	12/5/2025	Về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án, dự toán: Cung cấp đất phủ phục vụ công tác xử lý chất thải	100%

			rắn thông thường (không phải chất thải nguy hại) bằng biện pháp chôn lấp của dự án Nâng cấp, cải tạo một số hạng mục tại bãi rác Khánh Sơn	
35	35/QĐ-HĐQT	12/5/2025	Về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu qua mạng Gói thầu: Mua sắm 01 xe ô tô chuyên dùng quét đường, hút bụi rác	100%
36	36/QĐ-HĐQT	10/6/2025	Về việc thành lập Ban kiểm tra tư cách cổ đông phục vụ cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025	100%
37	37/QĐ-HĐQT	10/6/2025	Về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án, dự toán “Khám sức khoẻ định kỳ năm 2025-2026”	100%
38	38/QĐ-HĐQT	10/6/2025	Về việc phê duyệt giá, dự toán và hình thức mua sắm Gói thầu: Mua sắm 01 xe máy ủi Komatsu D60P-6	100%
39	39/QĐ-HĐQT	25/6/2025	Về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu qua mạng gói thầu: Cung cấp dịch vụ xử lý côn trùng (Ruồi, muỗi và các sinh vật có hại) thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu “Cung cấp vi sinh xử lý mùi hôi Bio-Systems BioBug WHC” và “Cung cấp dịch vụ xử lý côn trùng (Ruồi, muỗi và các sinh vật có hại)”	100%
40	40/QĐ-HĐQT	25/6/2025	Về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu qua mạng của gói thầu: Cung cấp nhiên liệu (Dầu Diesel và xăng) thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu: Cung cấp nhiên liệu (Dầu Diesel và xăng)	100%
41	41/QĐ-HĐQT	30/6/2025	Về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp Gói thầu: Mua sắm 01 xe máy ủi Komatsu D60P-6	100%
42	42/QĐ-HĐQT	02/7/2025	Về việc phê duyệt Hồ sơ mời thầu (E-HSMT) Gói thầu: Cung cấp đất phủ phục vụ công tác xử lý chất thải rắn thông thường (không phải chất thải nguy hại) bằng biện pháp chôn lấp của dự án Nâng cấp, cải tạo một số hạng mục tại bãi rác Khánh Sơn	100%
43	43/QĐ-HĐQT	11/7/2025	Về việc phê duyệt Hồ sơ mời thầu (E-HSMT) Gói thầu: Khám sức khoẻ định kỳ năm 2025-2026	100%
44	44/QĐ-HĐQT	24/7/2025	Về việc huỷ Gói thầu: Cung cấp đất phủ phục vụ công tác xử lý chất thải rắn thông thường (không phải chất thải nguy hại) bằng biện pháp chôn lấp của	100%

			dự án Nâng cấp, cải tạo một số hạng mục tại Bãi rác Khánh Sơn	
45	45/QĐ-HĐQT	07/8/2025	Về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu qua mạng của Gói thầu: “Khám sức khỏe định kỳ năm 2025-2026”.	100%
46	46/QĐ-HĐQT	19/8/2025	Về việc phê duyệt giá và dự toán mua sắm Gói thầu: Mua sắm 02 xe ép chõ rác 3,5 tấn và 02 xe ép chõ rác 4,5 tấn	100%
47	47/QĐ-HĐQT	27/8/2025	Về việc phê duyệt quyết toán, dự án hoàn thành Gói thầu: Mua sắm 01 xe máy ủi Komatsu D60P-6	100%
48	48/QĐ-HĐQT	29/8/2025	Về việc phê duyệt giá và dự toán mua sắm Gói thầu: Mua sắm 01 xe ô tô hút chất thải	100%
49	49/QĐ-HĐQT	29/8/2025	Về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành Gói thầu: Mua sắm 04 xe ép rác 07m ³ kiểu cặp thùng nắp đậy	100%
50	50/QĐ-HĐQT	10/9/2025	Về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án, dự toán mua sắm: Mua sắm 01 xe ô tô hút chất thải	100%
51	51/QĐ-HĐQT	10/9/2025	Về việc phê duyệt giá và dự toán mua sắm Gói thầu: Mua sắm 04 xe ép chõ rác 3,5 tấn và 02 xe ép chõ rác 4,5 tấn	100%
52	52/QĐ-HĐQT	16/9/2025	Về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án, dự toán mua sắm: Mua sắm 04 xe ép chõ rác 3,5 tấn và 02 xe ép chõ rác 4,5 tấn	100%
53	53/QĐ-HĐQT	16/9/2025	Về việc phê duyệt Phương án tổ chức, sắp xếp hoạt động các đơn vị trực thuộc Công ty Cổ phần Môi trường đô thị Đà Nẵng	100%
54	54/QĐ-HĐQT	19/9/2025	Về việc chấm dứt hoạt động của Chi nhánh Xí nghiệp Môi trường Hải Châu	100%
55	55/QĐ-HĐQT	19/9/2025	Về việc chấm dứt hoạt động của Chi nhánh Xí nghiệp Môi trường Thanh Khê	100%
56	56/QĐ-HĐQT	19/9/2025	Về việc chấm dứt hoạt động của Chi nhánh Xí nghiệp Môi trường Cẩm Lệ 1	100%
57	57/QĐ-HĐQT	19/9/2025	Về việc chấm dứt hoạt động của Chi nhánh Xí nghiệp Môi trường Cẩm Lệ 1	100%
58	58/QĐ-HĐQT	19/9/2025	Về việc chấm dứt hoạt động của Chi nhánh Xí nghiệp Môi trường Sơn Trà	100%
59	59/QĐ-HĐQT	19/9/2025	Về việc chấm dứt hoạt động của Chi nhánh Xí nghiệp Môi trường Ngũ Hành Sơn	100%
60	60/QĐ-HĐQT	19/9/2025	Về việc chấm dứt hoạt động của Chi nhánh Xí nghiệp Môi trường Hoà Vang	100%

61	61/QĐ-HĐQT	19/9/2025	Về việc chấm dứt hoạt động của Chi nhánh Xí nghiệp Môi trường Sông biển	100%
62	62/QĐ-HĐQT	19/9/2025	Về việc thành lập Chi nhánh Đội Môi trường Hải Châu trực thuộc Công ty Cổ phần Môi trường đô thị Đà Nẵng	100%
63	63/QĐ-HĐQT	19/9/2025	Về việc thành lập Chi nhánh Đội Môi trường Hoà Cường trực thuộc Công ty Cổ phần Môi trường đô thị Đà Nẵng	100%
64	64/QĐ-HĐQT	19/9/2025	Về việc thành lập Chi nhánh Đội Môi trường Thanh Khê trực thuộc Công ty Cổ phần Môi trường đô thị Đà Nẵng	100%
65	65/QĐ-HĐQT	19/9/2025	Về việc thành lập Chi nhánh Đội Môi trường Cẩm Lệ trực thuộc Công ty Cổ phần Môi trường đô thị Đà Nẵng	100%
66	66/QĐ-HĐQT	19/9/2025	Về việc thành lập Chi nhánh Đội Môi trường Sơn Trà trực thuộc Công ty Cổ phần Môi trường đô thị Đà Nẵng	100%
67	67/QĐ-HĐQT	19/9/2025	Về việc thành lập Chi nhánh Đội Môi trường Ngũ Hành Sơn trực thuộc Công ty Cổ phần Môi trường đô thị Đà Nẵng	100%
68	68/QĐ-HĐQT	19/9/2025	Về việc thành lập Chi nhánh Đội Môi trường Hoà Vang trực thuộc Công ty Cổ phần Môi trường đô thị Đà Nẵng	100%
69	69/QĐ-HĐQT	19/9/2025	Về việc thành lập Chi nhánh Đội Môi trường Sông Biển trực thuộc Công ty Cổ phần Môi trường đô thị Đà Nẵng	100%
70	70/QĐ-HĐQT	24/9/2025	Về việc phê duyệt quyết toán quỹ tiền lương Người lao động; quỹ tiền lương, thù lao người quản lý thực hiện năm 2024	100%
71	71/QĐ-HĐQT	24/9/2025	Về việc phê duyệt kế hoạch lao động; quỹ tiền lương của Người lao động và Ban điều hành; quỹ tiền lương thù lao Thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát kế hoạch năm 2025	100%
72	72/QĐ-HĐQT	01/10/2025	Về việc chấm dứt hoạt động của Chi nhánh Xí nghiệp Môi trường Hải Châu	100%
73	73/QĐ-HĐQT	01/10/2025	Về việc chấm dứt hoạt động của Chi nhánh Xí nghiệp Môi trường Thanh Khê	100%
74	74/QĐ-HĐQT	01/10/2025	Về việc chấm dứt hoạt động của Chi nhánh Xí nghiệp Môi trường Cẩm Lệ 1	100%
75	75/QĐ-HĐQT	01/10/2025	Về việc chấm dứt hoạt động của Chi nhánh Xí nghiệp Môi trường Cẩm Lệ 2	100%
76	76/QĐ-HĐQT	01/10/2025	Về việc chấm dứt hoạt động của Chi nhánh Xí nghiệp Môi trường Ngũ Hành Sơn	100%

77	77/QĐ-HĐQT	01/10/2025	Về việc chấm dứt hoạt động của Chi nhánh Xí nghiệp Môi trường Sơn Trà	100%
78	78/QĐ-HĐQT	01/10/2025	Về việc chấm dứt hoạt động của Chi nhánh Xí nghiệp Môi trường Hoà Vang	100%
79	79/QĐ-HĐQT	01/10/2025	Về việc chấm dứt hoạt động của Chi nhánh Xí nghiệp Môi trường Sông Biển	100%
80	80/QĐ-HĐQT	14/10/2025	Về việc thành lập Chi nhánh Đội Môi trường Hải Châu trực thuộc Công ty Cổ phần Môi trường đô thị Đà Nẵng	100%
81	81/QĐ-HĐQT	14/10/2025	Về việc thành lập Chi nhánh Đội Môi trường Hoà Cường trực thuộc Công ty Cổ phần Môi trường đô thị Đà Nẵng	100%
82	82/QĐ-HĐQT	14/10/2025	Về việc thành lập Chi nhánh Đội Môi trường Thanh Khê trực thuộc Công ty Cổ phần Môi trường đô thị Đà Nẵng	100%
83	83/QĐ-HĐQT	14/10/2025	Về việc thành lập Chi nhánh Đội Môi trường Cẩm Lệ trực thuộc Công ty Cổ phần Môi trường đô thị Đà Nẵng	100%
84	84/QĐ-HĐQT	14/10/2025	Về việc thành lập Chi nhánh Đội Môi trường Sơn Trà trực thuộc Công ty Cổ phần Môi trường đô thị Đà Nẵng	100%
85	85/QĐ-HĐQT	14/10/2025	Về việc thành lập Chi nhánh Đội Môi trường Ngũ Hành Sơn trực thuộc Công ty Cổ phần Môi trường đô thị Đà Nẵng	100%
86	86/QĐ-HĐQT	14/10/2025	Về việc thành lập Chi nhánh Đội Môi trường Hoà Vang trực thuộc Công ty Cổ phần Môi trường đô thị Đà Nẵng	100%
87	87/QĐ-HĐQT	14/10/2025	Về việc thành lập Chi nhánh Đội Môi trường Sông Biển trực thuộc Công ty Cổ phần Môi trường đô thị Đà Nẵng	100%
88	88/QĐ-HĐQT	30/10/2025	Ban hành Quy chế hoạt động của Chi nhánh Đội Môi trường trực thuộc Công ty Cổ phần Môi trường đô thị Đà Nẵng	100%
89	89/QĐ-HĐQT	03/11/2025	Về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án, dự toán mua sắm: Cung cấp Bảo hộ lao động năm 2026 và 2027	100%
90	90/QĐ-HĐQT	07/11/2025	Về việc phê duyệt Hồ sơ mời thầu (E-HSMT) Gói thầu: Mua sắm 04 xe ép chở rác 3,5 tấn và 02 xe ép chở rác 4,5 tấn	100%
91	91/QĐ-HĐQT	07/11/2025	Về việc mua sắm bổ sung lớp, hình thức mua sắm và điều chỉnh giá trị dự toán, giá trị trúng thầu mua sắm sắm lớp năm 2025	100%
92	92/QĐ-HĐQT	14/11/2025	Về việc phê duyệt điều chỉnh E-HSMT	100%

			và gia hạn thời gian đóng, mở Gói thầu: Mua sắm 04 xe ép chở rác 3,5 tấn và 02 xe ép chở rác 4,5 tấn	
93	93/QĐ-HĐQT	25/11/2025	Về việc chấm dứt hoạt động của Chi nhánh Xí nghiệp Môi trường Hải Châu	100%
94	94/QĐ-HĐQT	25/11/2025	Về việc chấm dứt hoạt động của Chi nhánh Xí nghiệp Môi trường Hoà Vang	100%
95	95/QĐ-HĐQT	25/11/2025	Về việc chấm dứt hoạt động của Chi nhánh Xí nghiệp Môi trường Sơn Trà	100%
96	96/QĐ-HĐQT	25/11/2025	Về việc chấm dứt hoạt động của Chi nhánh Xí nghiệp Môi trường Ngũ Hành Sơn	100%
97	97/QĐ-HĐQT	25/11/2025	Về việc chấm dứt hoạt động của Chi nhánh Xí nghiệp Môi trường Cẩm Lệ 1	100%
98	98/QĐ-HĐQT	25/11/2025	Về việc chấm dứt hoạt động của Chi nhánh Xí nghiệp Môi trường Cẩm Lệ 2	100%
99	99/QĐ-HĐQT	25/11/2025	Về việc chấm dứt hoạt động của Chi nhánh Xí nghiệp Môi trường Thanh Khê	100%
100	100/QĐ-HĐQT	25/11/2025	Về việc chấm dứt hoạt động của Chi nhánh Xí nghiệp Môi trường Sông Biển	100%
101	101/QĐ-HĐQT	01/12/2025	Về việc phê duyệt Hồ sơ mời thầu (E-HSMT) Gói thầu: Khám sức khỏe định kỳ năm 2025-2026	100%
102	102/QĐ-HĐQT	01/12/2025	Về việc phê duyệt Phương án trả lương đối với bộ phận lao động gián tiếp Công ty Cổ phần Môi trường đô thị Đà Nẵng	100%
103	103/QĐ-HĐQT	30/12/2025	Về việc phê duyệt danh mục hàng hoá, thông số kỹ thuật và giá trị dự toán mua sắm Gói thầu: Mua sắm nhiên liệu phụ năm 2026	100%



BÁO CÁO
Hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2025

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Môi trường đô thị Đà Nẵng.

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ và Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Đà Nẵng.

Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Môi trường đô thị Đà báo cáo kết quả hoạt động kiểm tra, giám sát trong năm 2025 như sau:

I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

1. Nhân sự Ban Kiểm soát

Ban kiểm soát thực hiện công tác kiểm tra giám sát năm 2025 gồm có 3 thành viên:

- | | |
|---------------------------|---------------------------------------|
| - Bà Võ Thị Mận | Trưởng ban (Bổ nhiệm ngày 11/06/2021) |
| - Bà Huỳnh Thị Thanh Nhân | Thành viên (Bổ nhiệm ngày 29/06/2022) |
| - Bà Phan Nguyễn Trúc Ly | Thành viên (Bổ nhiệm ngày 28/12/2023) |

2. Công tác đã thực hiện năm 2025

- Ban Kiểm soát đã xây dựng kế hoạch kiểm soát năm 2025 và triển khai thực hiện các hoạt động theo kế hoạch đề ra; phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên trong việc giám sát theo dõi thực hiện.

- Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng Quản trị; Trưởng Ban Kiểm soát: tham dự các cuộc họp giao ban hàng tháng của Công ty, các cuộc họp liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Tham gia ý kiến với Hội đồng quản trị, Ban điều hành Công ty về các vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Ban Kiểm soát đã kiểm tra giám sát việc chấp hành Điều lệ Công ty, pháp luật Nhà nước và quy chế, quy định, quyết định của Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc trong công tác quản lý, điều hành thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2025. Giám sát việc thực hiện các nội dung của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua. Giám sát việc ban hành sửa đổi, bổ sung các quy chế, quy định của Công ty.

- Thẩm định báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm và cả năm 2025, nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý của các số liệu tài chính, tình hình tài sản và nguồn vốn của Công ty. Tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty, công tác quản lý, điều hành, công tác nhân sự, công tác kế toán, lập báo cáo tài chính, công tác ký kết thực hiện hợp đồng, thu hồi xử lý công nợ, tình hình thực hiện các dự án.



- Đề xuất Đại hội đồng cổ đông lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán và soát xét Báo cáo Tài chính năm 2025.

- Tham gia đóng góp ý kiến với những nội dung liên quan đến công tác sản xuất kinh doanh, kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm của Công ty, tình hình thực hiện quỹ tiền lương và kế hoạch tiền lương, lao động; tham gia góp ý trong công tác xây dựng phương án giá thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt.

- Báo cáo tổng kết đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ nhiệm kỳ 2021-2025.

- Ban kiểm soát đã phát hành báo cáo kiểm soát năm. Kiến nghị, đề xuất các nội dung còn tồn tại, hạn chế trong công tác quản lý, giám sát, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, trong công tác quản lý tài chính, hạch toán kế toán góp phần đảm bảo cho hoạt động của Công ty an toàn, hiệu quả, tuân thủ pháp luật.

3. Các cuộc họp của Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát đã thực hiện đảm bảo chế độ họp theo quy định, trong năm 2025 Ban Kiểm soát đã tổ chức 04 cuộc họp và các chương trình làm việc. Đồng thời thường xuyên trao đổi thông tin giữa các thành viên để triển khai thực hiện các nội dung công việc theo chức năng nhiệm vụ và thẩm quyền của Ban Kiểm soát. Các thành viên Ban Kiểm soát tham gia đầy đủ các cuộc họp, cùng thảo luận và biểu quyết các vấn đề, nội dung liên quan đến công tác kiểm tra, giám sát.

II. KẾT QUẢ GIÁM SÁT CÁC HOẠT ĐỘNG NĂM 2025

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 của Công ty

Ban Kiểm soát đã thẩm định Báo cáo Tài chính năm 2025. Báo cáo Tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2025 của Công ty được lập theo đúng các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

Báo cáo Tài chính năm 2025 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC, báo cáo đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty.

1.1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2025

DVT: 1.000 đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2025	Thực hiện		So sánh (%)	
		Năm 2024	Năm 2025	TH năm 2024	KH năm 2025
1. Vốn điều lệ	57.736.000	57.736.000	57.736.000	100,00	100,00
2. Doanh thu	274.624.879	273.021.591	289.227.934	105,94	105,32
- Hoạt động đầu thầu và đặt hàng vệ sinh đô thị, bãi biển, xử lý rác thải	132.232.773	133.514.385	133.831.826	100,24	101,21
- Thu giá dịch vụ thu gom rác	109.453.864	103.529.396	116.333.343	112,37	106,29
- Thu gom, vận chuyển rác thải công nghiệp....	32.202.186	33.950.635	38.161.055	112,40	118,50
- Doanh thu tài chính và thu nhập khác	736.056	2.027.175	901.710	44,48	122,51
3. Tổng chi phí	266.402.604	265.127.411	278.959.017	105,22	104,71
4. Lợi nhuận trước thuế	8.222.275	7.894.180	10.268.917	130,08	124,89

5. Lợi nhuận sau thuế	7.235.602	6.781.333	9.134.928	134,71	126,25
6- Thu nhập bình quân người lao động/tháng		8.657	9.415	108,76	

1.2. Một số chỉ tiêu tài chính

a) Chỉ tiêu tài chính chủ yếu

ĐVT: 1.000 đồng

STT	CHỈ TIÊU	31/12/2024	31/12/2025	2025/2024
I	Tổng tài sản	156.808.412	162.316.905	103,51%
1	Tài sản ngắn hạn	103.989.368	114.904.288	110,50%
	- Tiền và tương đương tiền	10.366.174	26.283.326	137,79%
	- Đầu tư tài chính ngắn hạn	13.907.174	7.180.000	51,63%
	- Các khoản phải thu	73.800.119	77.600.832	105,15%
	- Hàng tồn kho	2.696.140	1.095.670	40,64%
	- Tài sản ngắn hạn khác	3.219.760	2.744.460	85,24%
2	Tài sản dài hạn	52.819.044	47.412.617	89,76%
II	Tổng nguồn vốn	156.808.412	162.316.905	103,51%
1	Nợ phải trả	77.945.936	79.526.207	102,03%
2	Vốn chủ sở hữu	78.862.476	82.790.698	104,98%
	- Vốn góp của Chủ sở hữu	57.736.000	57.736.000	100,00%
	- Quỹ đầu tư phát triển	14.813.941	16.005.178	108,04%
	- LNST chưa phân phối	5.996.205	8.649.800	144,25%
	- Nguồn kinh phí và quỹ khác	316.330	399.720	126,36%

b) Chỉ số tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2024	Năm 2025
1. Khả năng thanh toán			
- Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	lần	1,46	1,59
- Khả năng thanh toán nhanh	lần	1,42	1,58
2. Chỉ số hiệu quả hoạt động			
- Tỷ suất LNST/TTS (ROA)	%	4,32	5,72
- Tỷ suất LNST/VCSH (ROE)	%	8,73	11,30

2. Đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025, công tác điều hành, quản lý tài chính

2.1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu sản xuất, tài chính do Đại hội đồng cổ đông giao theo Nghị quyết số 09/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/6/2025

Công ty về cơ bản đã hoàn thành tốt các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2025 như sau:

- Thực hiện đảm bảo khối lượng, chất lượng vệ sinh môi trường đô thị; bãi biển; thu gom, vận chuyển xử lý chất thải sinh hoạt, công nghiệp thông thường và công tác xử lý chất thải tại bãi rác Khánh Sơn theo hợp đã ký với các chủ đầu tư.

- Tổng doanh thu là 289.227 triệu đồng, đạt 105,32% so với kế hoạch, tăng 5,94% so với năm 2024, trong đó: Doanh thu thu giá dịch vụ vệ sinh tăng 6.880 triệu đồng, tăng 6,29% so với kế hoạch.

- Lợi nhuận trước thuế 10.268 triệu đồng, đạt 124,89% so với kế hoạch, tăng 30,08% so với năm 2024.

- Thu nhập bình quân đầu người 9,4 triệu đồng/người/tháng, tăng 8,76% so với năm 2024.

- Công ty đã hoàn thành việc trích lập các quỹ và chi trả cổ tức năm 2024.

- Khả năng thanh toán và các chỉ số đánh giá hiệu quả hoạt động ROA và ROE tăng so với năm 2024.

Năm 2025, diễn ra nhiều sự kiện chính trị quan trọng, sáp nhập đơn vị hành chính, vận hành mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, thay đổi địa giới hành chính các phường, xã... nên công tác quản lý điều hành sản xuất cũng phải thay đổi cho phù hợp. Theo đó, Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc Công ty đã triển khai chủ trương thực hiện sắp xếp, tổ chức lại đơn vị trực thuộc theo mô hình hoạt động Đội, cơ cấu lại khối Văn phòng (sáp nhập phòng Kỹ thuật và phòng Công nghệ - Môi trường), điều chuyển và tinh giảm lao động.

Công ty đã có các biện pháp quản lý, tiết giảm chi phí, tổ chức đấu thầu để lựa chọn nhà thầu thực hiện các gói thầu theo quy định: Gói thầu mua sắm sắm lốp, thùng rác; Gói thầu thuê nhân công và ca máy thực hiện các hạng mục công việc dịch vụ vệ sinh đô thị trên địa bàn thành phố Đà Nẵng; Gói thầu khám sức khỏe định kỳ năm 2025; cung cấp bảo hộ lao động, hóa chất xử lý, mua sắm phương tiện vận chuyển.

2.2. Công tác đầu tư mua sắm, xây dựng cơ bản

- Năm 2025, Công ty thực hiện đầu tư mua sắm:

+ Mua sắm 04 xe ép rác 7m³ kiểu cặp thùng nắp đậy với giá trị là 6.356 triệu đồng bằng nguồn vốn Công ty và vốn vay.

+ Mua sắm 01 xe ủi Komatsu với giá trị 698 triệu đồng.

+ Công cụ dụng cụ: 270 thùng rác 660 lít, 210 thùng rác 240 lít giá trị 1.839 triệu đồng.

- Dự án nâng cấp mở rộng khu xử lý chất thải nguy hại Khánh Sơn được triển khai thực hiện các hạng mục: phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án, HĐQT đã phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu và các gói thầu để triển khai thực hiện dự án với tổng số tiền 2.767.513.768 đồng, đến nay do thửa đất thuộc dự án Nhà máy xử lý chất thải đã năng nên dự án tạm ngưng triển khai.

2.3. Chi phí tiền lương người lao động, tiền lương thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban Kiểm soát

- Tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát thực hiện theo Nghị quyết số 09/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/6/2025 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 và Quyết định số 71/QĐ-HĐQT ngày 24/9/2025, cụ thể như sau:

+ Tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị: 444.000.000 đồng (trong đó: chuyên trách là 336.000.000 đồng, không chuyên trách: 108.000.000 đồng).

- + Ban điều hành Công ty là: 1.092.000.000 đồng.
- + Tiền lương, thù lao của Ban kiểm soát: 388.800.000 đồng (trong đó: chuyên trách là 280.800.000 đồng, không chuyên trách là 108.000.000 đồng).
- Tổng chi lương cho người lao động: 104.970.043.653 đồng.

2.4. Giám sát tình hình công nợ

- Nợ phải trả ngân sách thành phố liên quan đến giá trị tài sản được ngân sách đầu tư cho Công ty từ trước giai đoạn cổ phần đến 31/12/2017 là 52.480.452.485 đồng, đến 31/12/2025 đã trả được 33.674.931.835 đồng, công nợ còn phải trả là 18.805.520.650 đồng.

- Vay dài hạn: Công ty đã vay dài hạn Quỹ đầu tư phát triển thành phố Đà Nẵng để đầu tư mua sắm xe ép rác như sau:

+ Năm 2022, mua 14 xe ép rác với số tiền 10.179.800.000 đồng trong thời hạn 96 tháng. Tính đến ngày 31/12/2025 đã trả được 3.612.400.000 đồng, công nợ còn lại là 6.567.400.000 đồng.

+ Năm 2025, mua 04 xe ép rác với số tiền 2.785.000.000 đồng trong thời hạn 60 tháng.

- Phải thu liên quan đến các khoản chi phí bị xuất toán, phải thu khác 3.785.349.055 đồng, trong năm đã thu được 746.175.634 đồng.

- Đối với chi phí xây dựng cơ bản dở dang các hạng mục thuộc Dự án đầu tư nâng cấp, mở rộng Khu xử lý chất thải nguy hại 2.767.513.768 đồng và các tài sản thuộc thửa đất bàn giao cho Dự án nhà máy xử lý chất thải đa năng theo Quyết định thu hồi đất số 4565/QĐ-UBND đến nay vẫn chưa được đền bù. Công ty đang làm việc để giải quyết các vướng mắc.

3. Kết quả hoạt động giám sát của BKS đối với Hội đồng quản trị (HDQT), Ban điều hành và cổ đông

3.1. Hội đồng quản trị

HDQT Công ty đã hoạt động theo đúng chức năng nhiệm vụ và quyền hạn quy định trong Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty; Công tác quản trị điều hành của HDQT đảm bảo tuân thủ theo quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của ĐHĐCĐ.

HDQT đã tổ chức các phiên họp định kỳ theo quy định của Điều lệ Công ty. Các cuộc họp đều do Chủ tịch HDQT chủ trì, thảo luận đảm bảo tính nghiêm túc và trách nhiệm. Các thành viên HDQT tham gia đầy đủ, có tinh thần trách nhiệm và đóng góp ý kiến về các nội dung cuộc họp. Các cuộc họp đều được ghi vào Biên bản và ban hành Nghị quyết triển khai thực hiện. Các Quyết định ban hành đều được lấy ý kiến các thành viên bằng văn bản theo đúng quy định và Điều lệ Công ty.

Trong năm, HDQT đã ban hành các Nghị quyết và các quyết định chỉ đạo trong hoạt động sản xuất kinh doanh: việc thực hiện nhiệm vụ vệ sinh môi trường đô thị, tham gia các gói thầu, công tác sắp xếp tổ chức, điều động luân chuyển cán bộ và tinh giảm lao động (sáp nhập phòng Kỹ thuật và phòng Công nghệ môi trường thành phòng Kỹ thuật – Môi trường, chấm dứt hoạt động các Chi nhánh Xí nghiệp môi trường, thành lập các Chi nhánh Đội Môi trường), công tác giao khoán

804
TY
AN
ONG
HI
NG
ĐAN

sản xuất kinh doanh Xí nghiệp Môi trường Sông Biên, công tác đầu tư mua sắm, xây dựng cơ bản đúng điều lệ và quy định.

HĐQT thường xuyên kiểm tra giám sát, theo dõi công tác quản lý điều hành của Tổng Giám đốc trong việc chấp hành và tuân thủ quy định Pháp luật, điều lệ, quy chế quy định Công ty; việc triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Chỉ đạo và phối hợp với Ban điều hành Công ty trong việc điều hành thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị, đảm bảo các chỉ tiêu được ĐHĐCĐ giao.

3.2. Ban Điều hành

Năm 2025, Ban điều hành đã điều hành hoạt động của Công ty theo đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của pháp luật và Điều lệ, Quy chế Công ty.

Ban điều hành Công ty đã chủ động triển khai thực hiện đầy đủ các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; thực hiện các nội dung công việc theo chỉ đạo của HĐQT và Nghị quyết ĐHĐCĐ, đã hoàn thành các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2025.

Ban điều hành có sự phối hợp chặt chẽ, chủ động, tích cực trong công việc, sát sao trong chỉ đạo thực hiện công tác sản xuất kinh doanh của Công ty; đã thực hiện nhiều giải pháp để phát triển nguồn thu tăng doanh thu, ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động quản lý, tăng cường công tác quản lý tài chính thông qua việc kiểm soát các khoản chi phí, công nợ của khách hàng, quản lý công tác chuyên môn nghiệp vụ; thực hiện sắp xếp tổ chức, công tác nhân sự phù hợp và hiệu quả, nâng cao chất lượng chuyên môn cho đội ngũ CBCNV, các chế độ của người lao động được đảm bảo, 100% người lao động tham gia đóng bảo hiểm đầy đủ. Thực hiện chi trả cổ tức đúng với Nghị quyết ĐHĐCĐ.

4. Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc

Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban điều hành luôn có sự phối hợp chặt chẽ nhằm nâng cao chất lượng của công tác quản trị, điều hành và vì sự phát triển bền vững của Công ty.

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Ban Kiểm soát luôn nhận được sự quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi từ Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các phòng chuyên môn nghiệp vụ trong Công ty để Ban kiểm soát thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty, hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Ban Kiểm soát luôn được mời tham dự tất cả các cuộc họp của Hội đồng quản trị với tư cách là thành viên tham dự độc lập, khách quan. Ban kiểm soát thường xuyên trao đổi HĐQT, Tổng Giám đốc trong việc thực hiện các nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty nhằm đạt các chỉ tiêu mà Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đã thông qua. Giám sát việc công bố thông tin của Công ty theo quy định của Luật Chứng khoán, xem xét tính minh bạch của quá trình công bố thông tin để đảm bảo quyền lợi của các cổ đông.

Hội đồng quản trị đã cung cấp đầy đủ thông tin về các nghị quyết, quyết định cho Ban kiểm soát. Tổng Giám đốc và các phòng ban chuyên môn đã cung

cấp đầy đủ các tài liệu, báo cáo, chứng từ, ... phục vụ cho công tác giám sát kiểm tra của Ban kiểm soát.

Ban kiểm soát đã phối hợp với Ban Tổng giám đốc Công ty trong việc xây dựng các quy chế quy định tại công ty, thảo luận về công tác xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh, công tác sản xuất tối đa hóa chi phí và các vấn đề liên quan. Mọi kiến nghị của Ban kiểm soát gửi tới Ban điều hành đều được tiếp thu và kịp thời chấn chỉnh nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động quản lý.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ CỦA BAN KIỂM SOÁT ĐỐI VỚI HĐQT, TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy chế quản lý nội bộ phù hợp với các quy định pháp luật mới ban hành nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và phù hợp với tình hình thực tiễn hoạt động của Công ty.

2. Rà soát, sửa đổi và ban hành mới kịp thời các quy trình, quy định về nghiệp vụ, tài chính kế toán đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật Nhà nước.

3. Đối chiếu, xác nhận các khoản nợ phải thu, phải trả, tăng cường thu hồi công nợ; đề xuất giải pháp xử lý các khoản nợ phải thu kéo dài; xử lý các khoản nợ không có khả năng thu hồi và trích lập dự phòng các khoản phải thu khó đòi để đảm bảo việc bảo toàn vốn nhà nước và vốn đầu tư của các cổ đông.

4. Tiếp tục có những giải pháp tích cực để thu hồi công nợ; tăng cường tìm kiếm nguồn vốn vay với lãi suất thấp để giảm chi phí lãi vay và áp lực tài chính cho Công ty.

5. Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát hồ sơ thanh toán, hạn chế rủi ro về hóa đơn.

6. Xây dựng định mức cấp phát phương tiện, công cụ dụng cụ lao động; tăng cường công tác kiểm tra giám sát, quản lý hiệu quả hàng tồn kho, tài sản, công cụ dụng cụ, thiết bị máy móc; quản lý mua sắm vật tư, hàng hóa, công cụ... nhằm đảm bảo hiệu quả sử dụng, tránh thất thoát, lãng phí.

Trên đây là báo cáo của Ban Kiểm soát, kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS;
- Lưu: VT, BKS.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Võ Thị Mận

Số: 39 /BC-HĐQT

Đà Nẵng, ngày 29 tháng 5 năm 2026

BÁO CÁO
Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 và
kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Môi trường đô thị Đà Nẵng

I. Kết quả thực hiện năm 2025

Trong năm 2025, với tình hình kinh tế thị trường có nhiều biến động, giá nhân công, nguyên nhiên liệu, vật tư ngày càng tăng cao, dẫn đến chi phí doanh nghiệp tăng, đồng thời giá dịch vụ tối đa thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt trên địa bàn thành phố Đà Nẵng sinh hoạt vẫn chưa được Thành phố phê duyệt điều chỉnh. Trước những khó khăn, thách thức nêu trên, Công ty đã chủ động xây dựng các giải pháp, nỗ lực trong hoạt động đầu tư mua sắm phương tiện, trang thiết bị, thay đổi quy trình sản xuất để phục vụ tốt hơn công tác vệ sinh đô thị, thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải và hoàn thành vượt kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông thường niên phê duyệt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025, cụ thể:

1. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025

Chỉ tiêu chính	Kế hoạch 2025 (Nghị quyết số 09/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/6/2025)	Thực hiện 2025 (đã được kiểm toán)	Tăng (+), Giảm (-)
1. Khối lượng rác thu gom, xử lý (tấn)	546.808,06	572.838,17	4,76%
2. Tài chính thực hiện			
- Doanh thu (tỷ đồng)	274,624	289,227	5,31%
- Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	8,222	10,268	24,88%
- Tỷ lệ chia cổ tức/vốn điều lệ (%)	Tối thiểu 6%	6,0%	-
- Thu nhập bình quân người lao động (triệu đồng/người- tháng)	8,752 (thực hiện năm 2024)	9,289	6,13%

Năm 2025, Công ty đã hoàn thành và vượt các chỉ tiêu theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên đề ra.

2. Thực hiện nhiệm vụ được giao

- Công ty tiếp tục thực hiện khối lượng công việc đặt hàng 06 tháng đầu năm 2025 cơ bản theo khối lượng của Gói thầu thuê dịch vụ vệ sinh công cộng giai đoạn 2022-2024 trên địa bàn 6 quận và 01 huyện trên địa bàn Thành phố Đà Nẵng (các quận: Hải Châu, Sơn Trà, Cẩm Lệ, Ngũ Hành Sơn, Thanh Khê và huyện Hoà Vang). Từ ngày 01/7/2025, Công ty tiếp tục triển khai đảm bảo vệ sinh môi trường đô thị theo hình thức đặt hàng với tất cả các chủ đầu tư thay đổi theo mô hình chính quyền 02 cấp tại 14 phường, xã (Các phường: Hải Châu, Hòa Cường, Thanh Khê, An Khê, Cẩm Lệ, Ngũ Hành Sơn, Sơn Trà, An Hải, Hòa Xuân, Hòa Khánh, Liên Chiểu; các xã: Hòa Vang, Hòa Tiến, Bà Nà) đảm bảo công tác vệ sinh môi trường được xuyên suốt và thực hiện nghiệm thu thanh quyết toán đúng đủ yêu cầu về chất lượng và giá trị. Qua đó góp phần vào việc bảo vệ môi trường nói chung và đảm bảo vệ sinh môi trường nói riêng trong giai đoạn sắp xếp, tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp được thuận lợi trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

- Trong năm 2025, Công ty đã thực hiện đảm bảo các hoạt động vệ sinh môi trường đô thị, vệ sinh sông Hàn, bãi biển, thu gom vận chuyển và xử lý rác tại bãi rác Khánh Sơn đảm bảo khối lượng, chất lượng theo yêu cầu Sở Nông nghiệp và Môi trường TP Đà Nẵng; Sở Văn hóa; Thể thao và Du lịch TP Đà Nẵng. Tăng cường công tác thu gom, vận chuyển rác thải dịp Tết nguyên đán Ất Tỵ năm 2025, phục vụ các Lễ, hội và sự kiện diễn ra tại Thành phố Đà Nẵng, đặc biệt là Lễ hội Pháo hoa quốc tế DIFF 2025 được Lãnh đạo UBND thành phố tặng Bằng khen, người dân và doanh nghiệp ghi nhận, đánh giá cao.

- Tham gia đấu thầu cung ứng dịch vụ vệ sinh môi trường tại các chợ do Công ty Quản lý và Phát triển các chợ Đà Nẵng; gói thầu dịch vụ vệ sinh môi trường ven biển, rừng phòng hộ và các điểm du lịch trên bán đảo Sơn Trà (từ ngày 01/4/2024-30/6/2026) do Sở Du lịch TP. Đà Nẵng (nay là Sở Văn hoá, thể thao và Du lịch Tp. Đà Nẵng) làm chủ đầu tư.

- Cung cấp dịch vụ xử lý chất thải rắn thông thường bằng biện pháp chôn lấp của Dự án Nâng cấp, cải tạo một số hạng mục tại bãi rác Khánh Sơn, hoàn thành cơ bản khối lượng Dự án Cải tạo, xây dựng mới một số công trình phụ trợ phục vụ công tác vận hành tại các ô chôn lấp từ 1-5 thuộc Khu liên hợp xử lý chất thải rắn Khánh Sơn do Sở Nông nghiệp và Môi trường TP Đà Nẵng làm chủ đầu tư, qua đó đảm bảo công tác xử lý rác thải được an toàn, thông suốt, không làm phát sinh các tình huống phải ngừng tiếp nhận xử lý rác thải tại bãi rác Khánh Sơn.

- Trước các diễn biến bất thường của thiên tai bão, lũ lụt trong năm 2025, Công ty đã chủ động xây dựng phương án ứng phó thiên tai hiệu quả, cũng như thực hiện tổng dọn vệ sinh môi trường đô thị, môi trường bãi biển nhanh chóng, kịp thời để phục vụ người dân và du khách như bình thường sau bão, lũ lụt.

- Để phục vụ ngày càng tốt công tác vệ sinh môi trường, Công ty đã thực hiện đầu tư mua sắm, sửa chữa phương tiện công cụ dụng cụ, cụ thể:

+ Thực hiện mua sắm 4 xe ép rác loại 07m³ kiểu cặp thùng, nắp đậy nhằm tăng cường năng lực phương tiện phục vụ công tác cơ giới hóa thu gom rác thải trên địa bàn Thành phố.

+ Thực hiện mua sắm 01 xe ủi Komatsu D60-6 phục vụ san ủi tại bãi rác Khánh Sơn.

+ Thực hiện công tác đầu tư mua sắm 210 thùng rác 240 lít, 270 thùng rác 660 lít để bổ sung, thay thế các thùng rác hư hỏng phục vụ công tác thu gom rác thải và vệ sinh đô thị trên địa bàn Thành phố.

+ Thực hiện hoàn thành thủ tục mua sắm trang bị 01 xe quét hút hiện đại loại $\leq 01m^3$ kịp thời đưa vào hoạt động trong dịp Tết Nguyên Đán Bính Ngọ 2026.

- Công ty đã thực hiện quyết liệt công tác tái cơ cấu bộ máy tổ chức theo mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, trong năm đã thực hiện sáp nhập phòng Kỹ thuật và phòng Công nghệ Môi trường thành phòng “Kỹ thuật-Môi trường”, chấm dứt hoạt động của Chi nhánh Xí nghiệp Môi trường: Hải Châu, Thanh Khê, Cẩm Lệ 1, Cẩm Lệ 2, Sơn Trà, Ngũ Hành Sơn, Hoà Vang, Sông Biển và thành lập Chi nhánh Đội Môi trường: Hải Châu, Hoà Cường, Thanh Khê, Cẩm Lệ, Sơn Trà, Ngũ Hành Sơn, Hoà Vang và Sông Biển để giảm khâu trung gian, tinh gọn, nâng cao hiệu lực, hiệu quả của bộ máy tổ chức.

3. Các hạn chế, tồn tại

Nhìn chung, Công ty đã có nhiều nỗ lực trong hoạt động điều hành sản xuất kinh doanh, tuy nhiên vẫn còn một số tồn tại, hạn chế ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh, cụ thể:

- Xuất phát từ các nguyên nhân khách quan dẫn đến việc điều chỉnh Giá dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt thay thế đơn giá tại Quyết định số 33/2017/QĐ-UBND ngày 18/11/2017 vẫn chưa được thực hiện, làm ảnh hưởng đến doanh thu và hiệu quả kinh doanh của Công ty trong năm 2025 và thời gian đến.

- Dừng triển khai đầu tư Dự án nâng cấp mở rộng khu xử lý chất thải nguy hại Khánh Sơn (Dự án Đầu tư nâng cấp mở rộng khu xử lý chất thải nguy hại Khánh Sơn triển khai từ năm 2020 nhưng vì nhiều lý do đến nay UBND thành phố Đà Nẵng đã có quyết định thu hồi đất của Dự án) cũng đã ảnh hưởng lớn đến hoạt động kinh doanh của Công ty trong thời gian đến.

- Việc tổ chức giám sát, kiểm tra chất lượng, tiến độ công việc thực hiện tại các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc đôi lúc còn chưa kịp thời và nghiêm túc dẫn đến tình trạng chậm tiến độ, chất lượng chưa đảm bảo;

- Chất lượng nguồn nhân lực của Công ty vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu trong tình hình mới, chưa có giải pháp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

- Vẫn còn tình trạng không đảm bảo công tác vệ sinh đô thị và thu gom rác thải tại một số thời điểm, còn tình trạng công nhân thực hiện thao tác công việc không đúng quy định trong hoạt động thu gom rác thải để người dân phản ánh và Lãnh đạo Thành phố có ý kiến đối với Công ty.

- Công ty vẫn thiếu các giải pháp mang tính đột phá để nâng cao năng suất lao động, cải thiện năng lực cạnh tranh trong giai đoạn hiện nay, nhằm tạo sự phát triển bền vững cho Công ty trong thời gian đến.

II. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026

Năm 2026, năm bản lề chuẩn bị, triển khai tham gia đấu thầu và thực hiện gói thầu vệ sinh công cộng, thu gom rác thải giai đoạn 06 tháng cuối năm 2026 và giai đoạn 2026-2028, vận hành học rác số 7 Bãi rác Khánh Sơn, gói thầu vệ sinh môi trường ven biển, rừng phòng hộ và các điểm du lịch trên bán đảo Sơn Trà giai đoạn 2026 - 2028. Theo đó, Công ty xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 với một số nội dung cơ bản như sau:

1. Thực hiện các nhiệm vụ được giao, trọng tâm và quan trọng của Công ty

a) Nhiệm vụ được giao

- Tổ chức phục vụ tốt các hoạt động chính trị, sự kiện, lễ hội được phân công theo kế hoạch tổ chức tại thành phố Đà Nẵng trong năm 2026; Lễ hội Pháo hoa quốc tế Đà Nẵng 2026.

b) Nhiệm vụ trọng tâm

Ngoài nhiệm vụ thực hiện thường xuyên được UBND thành phố, Sở Nông nghiệp và Môi trường; các địa phương giao Công ty thực hiện, Công ty tập trung thực hiện 4 nhiệm vụ trọng tâm như sau:

- Chuẩn bị nhân lực, trang thiết bị, phương tiện để chuẩn bị cho công tác đấu thầu các gói thầu: Vệ sinh công cộng và thu gom rác thải giai đoạn 2026-2028.

- Tiếp tục đầu tư phương tiện và triển khai cơ giới hóa công tác thu gom rác thải và vệ sinh đô thị theo yêu cầu của các địa phương mà Công ty trúng thầu.

- Tiếp tục đề xuất Thành phố điều chỉnh giá thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt và tập trung rà soát, phát triển nguồn thu giá dịch vụ thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt.

- Tiếp tục vận hành có hiệu quả mô hình tổ chức mới sau khi tái cơ cấu, sắp xếp bộ máy của Công ty.

c) Nhiệm vụ quan trọng khác

Bên cạnh nhiệm vụ trọng tâm, Công ty sẽ thực hiện một số nhiệm vụ quan trọng khác bao gồm:

- Tham gia thực hiện có hiệu quả Đề án phân loại rác thải tại nguồn trên địa bàn thành phố Đà Nẵng;

- Rà soát và thực hiện điều chỉnh định mức, đơn giá thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt áp dụng cho nội bộ Công ty nhằm tăng thu nhập cho người lao động;

- Tăng doanh thu từ hoạt động dịch vụ cung cấp vệ sinh môi trường của Công ty;

- Thực hiện tốt công tác quản lý công cụ dụng cụ, nhiên liệu trong hoạt động sản xuất của toàn Công ty.

- Tăng cường công tác sàng lọc, tuyển dụng lao động nhằm từng bước nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đáp ứng ngày một tốt hơn yêu cầu của Thành phố và khách hàng.

2. Một số chỉ tiêu tài chính kinh doanh năm 2026

Chỉ tiêu	THỰC HIỆN 2025 (ĐVT: Đồng)	KẾ HOẠCH 2026 (ĐVT: Đồng)	26/25 (%)
A. Tổng doanh thu	289.227.933.762	313.295.582.305	108,32
1. Doanh thu cung cấp dịch vụ	283.206.407.945	307.684.022.006	108,64
2. Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	5.119.816.250	4.641.560.741	90,66
3. Thu khác	901.709.567	969.999.559	107,57
B. Tổng chi phí	278.959.016.831	302.540.281.216	108,45
I. Chi phí trực tiếp sản xuất	263.991.416.136	285.744.150.483	108,24
1. Nguyên, nhiên, vật liệu	51.357.418.912	70.624.878.739	137,52
2. Tiền lương, tiền công	101.375.834.478	107.805.745.051	106,34
3. Khấu hao tài sản cố định	7.456.658.636	8.880.032.036	119,09
4. Kinh phí công đoàn	1.482.159.397	1.548.353.210	104,47
5. Dịch vụ mua ngoài	61.290.954.548	58.901.785.141	96,10
6. Chi phí bằng tiền khác	41.028.390.165	37.983.356.306	92,58
II. Giá vốn	6.363.637	6.363.637	100,00
III. Chi phí quản lý doanh nghiệp	14.408.135.440	16.191.665.478	112,38
IV. Chi phí khác	553.101.618	598.101.618	108,14
C. Lợi nhuận trước thuế	10.268.916.931	10.755.301.090	104,74
D. Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.133.989.220	1.187.700.278	104,74
E. Lợi nhuận sau thuế	9.134.927.711	9.567.600.812	104,74
F. Tỷ lệ chia cổ tức	6,0%	≥ 6%	
G. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE)		11,55%	

3. Kế hoạch đầu tư mua sắm và xây dựng cơ bản năm 2026

3.1. Dự án đầu tư và xây dựng cơ bản

- Đề xuất và hoàn thành công tác giải tỏa, đền bù các nội dung thuộc Dự án Đầu tư, nâng cấp mở rộng khu xử lý chất thải nguy hại tại bãi rác Khánh Sơn;
- Tiếp tục nghiên cứu, đề xuất phương án đầu tư khai thác có hiệu quả các lô đất được Thành phố, các địa phương cho thuê, giao Công ty sử dụng.

3.2. Mua sắm tài sản, công cụ dụng cụ

a) Mua sắm tài sản cố định

- Mua sắm 02 xe ủi phục vụ san ủi tại bãi rác Khánh Sơn.
- Đầu tư 6 xe ép rác loại 3,5 tấn và 4,5 tấn kiểu cặp thùng, nắp đáy phục vụ công tác cơ giới hóa.
- Mua sắm 01 xe tải loại 2,5 tấn phục vụ sản xuất.

b) Mua sắm công cụ dụng cụ

- Thùng 660 lít: 300 thùng.
- Thùng 240 lít: 150 thùng.

3.3. Nguồn vốn đầu tư

- Đối với việc mua sắm 6 xe ép rác loại 3,5 tấn và 4,5 tấn: Sử dụng nguồn vốn Công ty: 50,92% và Vốn vay (Quỹ đầu tư phát triển thành phố Đà Nẵng): 49,08%. Các tài sản còn lại sử dụng nguồn vốn Công ty

- Đối với việc mua sắm xe ủi, xe tải và thùng rác: Công ty sử dụng nguồn vốn hiện có và tính vào giá thành, phân bổ chi phí thu hồi vốn.

Trên đây là Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Phạm Thanh Phúc

TỜ TRÌNH
Về việc thông qua báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Môi trường đô thị Đà Nẵng.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp Năm 2020 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp: năm 2022, năm 2025;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Môi trường đô thị Đà Nẵng được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua ngày 29/6/2022;

Căn cứ Báo cáo Tài chính năm 2025 của Công ty Cổ phần Môi trường đô thị Đà Nẵng đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC phát hành ngày 30 tháng 3 năm 2026.

Nay, Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông về số liệu Báo cáo tài chính năm 2025 đã được công bố thông tin theo quy định, đồng thời đã được đăng tải trên <https://moitruongdothidanang.com.vn/news/view/bao-cai-tai-chinh-cho-nam-tai-chinh-ket-thuc-ngay-31-12-2025.html> của Công ty bao gồm:

- Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc;
- Báo cáo kiểm toán độc lập;
- Báo cáo tài chính:
- + Bảng cân đối kế toán;
- + Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- + Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
- + Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trong đó, một số chỉ tiêu cơ bản trong Báo cáo tài chính như sau:

ĐVT: đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Số đầu năm	Số cuối kỳ
I. Tài sản ngắn hạn	100	103.989.367.810	114.904.288.110
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	10.366.174.287	26.283.325.729
2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	13.907.174.113	7.180.000.000
3. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	73.800.119.267	77.600.831.852
Trong đó: Nợ phải thu khó đòi		-	-
4. Hàng tồn kho	140	2.696.139.858	1.095.670.070

5. Tài sản ngắn hạn khác	150	3.219.760.285	2.744.460.459
II. Tài sản dài hạn	200	52.819.044.276	47.412.617.092
1. Các khoản phải thu dài hạn	210	1.139.549.976	170.000.000
2. Tài sản cố định	220	43.062.748.227	41.706.284.707
Trong đó: - Tài sản cố định hữu hình	221	42.437.012.117	41.207.451.285
- Tài sản cố định vô hình	227	625.736.110	498.833.422
3. Bất động sản đầu tư	230	-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	3.651.016.518	913.902.122
5. Đầu tư tài chính dài hạn	250	-	-
6. Tài sản dài hạn khác	260	4.965.729.555	4.622.430.263
III. Nợ phải trả	300	77.945.935.791	79.526.207.458
1. Nợ ngắn hạn	310	71.378.535.791	72.073.807.458
Trong đó: Nợ quá hạn		-	-
2. Nợ dài hạn	330	6.567.400.000	7.452.400.000
IV. Vốn chủ sở hữu	400	78.862.476.295	82.790.697.744
1. Vốn của chủ sở hữu	410	78.546.146.295	82.390.977.744
Trong đó: Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	57.736.000.000	57.736.000.000
2. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	316.330.000	399.720.000
V. Kết quả kinh doanh			
1. Tổng doanh thu thực hiện		273.021.590.874	289.227.933.762
Trong đó:			
- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	270.994.415.814	288.326.224.195
- Doanh thu hoạt động tài chính	21	674.375.887	752.765.856
- Thu nhập khác	31	1.352.799.173	148.943.711
2. Tổng chi phí thực hiện		265.127.411.112	278.959.016.831
Trong đó:			
- Giá vốn hàng bán	11	248.972.816.262	263.997.779.773
- Chi phí tài chính	22	586.698.104	470.305.675
- Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	15.525.605.470	14.408.135.440
- Chi phí khác	32	42.291.276	82.795.943

3. Tổng lợi nhuận trước thuế	50	7.894.179.762	10.268.916.931
4. Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN	60	6.781.333.460	9.134.927.711
5. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	1.175	1.582
VI. Chỉ tiêu khác			
1. Tổng số phát sinh phải nộp ngân sách		15.574.345.278	15.294.329.414
2. Lợi nhuận trước thuế/Vốn chủ sở hữu (%)		10,05	12,46
3. Tổng nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu (%)		99,24	96,52
4. Tổng Quỹ lương thực hiện		99.493.159.148	104.970.043.653
5. Số lao động bình quân (người)		1.081	1.038
6. Tiền lương bình quân người/năm (8,427 triệu đồng * 12 th)		92.038.075	101.127.209

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Phạm Thanh Phúc



TỜ TRÌNH

**Về việc trích lập các quỹ, phân phối lợi nhuận,
chi trả cổ tức năm 2025**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Môi trường đô thị Đà Nẵng.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp: năm 2022, năm 2025;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Môi trường đô thị Đà Nẵng thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên ngày 29/6/2022;

Căn cứ Báo cáo Tài chính năm 2025 của Công ty Cổ phần Môi trường đô thị Đà Nẵng đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC phát hành ngày 30/3/2026.

Nay, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty phương án trích lập các quỹ, phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức năm 2025 của Công ty như sau:

STT	Chỉ tiêu	Số tiền (đồng)
I	Lợi nhuận sau thuế TNDN	9.134.927.711
II	Phân phối lợi nhuận	5.382.087.711
1	Bù đắp LNST âm do điều chỉnh số liệu từ Quý 4/2015 đến năm 2018	485.128.013
2	Trích Quỹ đầu tư phát triển	2.162.449.924
3	Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi của người lao động, Ban điều hành, Thành viên hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát	3.021.569.774
III	Tỷ lệ chia cổ tức/vốn điều lệ (6%)	3.465.780.000

Kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Môi trường đô thị Đà Nẵng xem xét và quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Phạm Thanh Phúc

TỜ TRÌNH

**Về mức tiền lương, thù lao, thưởng năm 2025 và mức tiền lương
kế hoạch năm 2026 của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Môi trường đô thị Đà Nẵng.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp năm: 2022, 2025;

Căn cứ Nghị định số 248/2025/NĐ-CP ngày 15/9/2025 của Chính phủ Quy định chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của người đại diện chủ sở hữu trực tiếp, người đại diện phần vốn nhà nước và Kiểm soát viên trong doanh nghiệp nhà nước;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Môi trường đô thị Đà Nẵng thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên ngày 29/6/2022;

Căn cứ Quyết định số 71/QĐ-HĐQT ngày 24/9/2025 của Hội đồng quản trị về việc phê duyệt Kế hoạch lao động; quỹ tiền lương của người lao động và Ban điều hành; quỹ tiền lương, thù lao Thành viên Hội đồng, Ban kiểm soát kế hoạch năm 2025.

Nay, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Đà Nẵng kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông Công ty về mức tiền lương, thù lao, thưởng năm 2025 và mức tiền lương kế hoạch năm 2026 của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát như sau:

1. Quỹ tiền lương, thù lao và thưởng Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát thực hiện năm 2025:

Tổng tiền lương, thù lao và thưởng của HĐQT, Ban Kiểm soát thực hiện năm 2025 là: **1.603.800.000** đồng. Trong đó, tổng tiền lương, thù lao là 1.444.800.000 đồng và tổng tiền thưởng là 159.000.000 đồng. Trong đó:

1.1. Thành viên HĐQT chuyên trách (3 người):

- Tiền lương: 948.000.000 đồng;
- Tiền thưởng Lễ, Tết: 68.500.000 đồng;

1.2. Thành viên HĐQT không chuyên trách (2 người):

- Thù lao: 108.000.000 đồng;
- Tiền thưởng Lễ, Tết: 36.000.000 đồng.

1.3. Kiểm soát viên chuyên trách (1 người):

- Tiền lương: 280.800.000 đồng;
- Tiền thưởng Lễ, Tết: 18.500.000 đồng;

1.4. Kiểm soát viên không chuyên trách (2 người):

- Thù lao: 108.000.000 đồng;
- Tiền Lễ, Tết: 36.000.000 đồng.

2. Kế hoạch tiền lương, quỹ tiền tiền lương của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2026

Tổng tiền lương của HĐQT, BKS là: **1.444.800.000** đồng. Trong đó:

- Tiền lương HĐQT chuyên trách (3 người): 948.000.000 đồng;
- Tiền lương HĐQT không chuyên trách (2 người): 108.000.000 đồng;
- Tiền lương của Kiểm soát viên chuyên trách (1 người): 280.800.000 đồng;
- Tiền lương của Kiểm soát viên không chuyên trách (2 người): 108.000.000 đồng.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Phạm Thanh Phúc

Số: 369/TTr-BKS

Đà Nẵng, ngày 29 tháng 5 năm 2026

TỜ TRÌNH

Về việc chọn đơn vị Kiểm toán độc lập kiểm toán BCTC năm 2026

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 03/2022/QH15 và Luật số 76/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Môi trường đô thị Đà Nẵng thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên ngày 29 tháng 6 năm 2022;

Nay, Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét chọn đơn vị kiểm toán độc lập kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026 của Công ty Cổ phần Môi trường đô thị Đà Nẵng như sau:

1. Các tiêu chí lựa chọn đơn vị kiểm toán:

- Kiểm toán nằm trong danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng năm 2026 theo Quyết định số 3830/QĐ-BTC ngày 14/11/2025 của Bộ Tài chính.
- Có kinh nghiệm kiểm toán cho các Tập đoàn, Tổng công ty, các Công ty niêm yết và đại chúng, các dự án quốc tế.
- Có đội ngũ kiểm toán viên có trình độ và nhiều kinh nghiệm.
- Có mức phí hợp lý, phù hợp với nội dung, phạm vi kiểm toán của Công ty.

2. Đề xuất đơn vị kiểm toán:

Danh sách các đơn vị kiểm toán như sau:

STT	Đơn vị	Phí dịch vụ (đồng)
1	Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC	85.000.000
2	Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và dịch vụ tin học MOORE AISIC tại Đà Nẵng	95.000.000

(Phí dịch vụ kiểm toán trên chưa bao gồm thuế GTGT)

Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông thống nhất chọn **Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC** là đơn vị kiểm toán độc lập để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét và thông qua./.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- HĐQT, BKS;
- Lưu: VT, BKS.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Võ Thị Mận



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DỰ THẢO



ĐIỀU LỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐÀ NẴNG

(Ban hành theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

Công ty Cổ phần Môi trường đô thị Đà Nẵng)

Đà Nẵng, ngày 11 tháng 6 năm 2026

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	5
I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	5
Điều 1. Giải thích thuật ngữ	5
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY	7
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty	7
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty	7
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	8
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty	8
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty	10
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN	10
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần	10
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu	11
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác	11
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần, thừa kế cổ phần	11
Điều 10. Thu hồi cổ phần	13
Điều 11. Mua lại cổ phần, điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại	13
Điều 12. Trả cổ tức	15
Điều 13. Thu hồi tiền thanh toán cổ phần mua lại hoặc cổ tức	16
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	16
Điều 14. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát	16
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	16
Điều 15. Quyền của cổ đông	16
Điều 16. Nghĩa vụ của cổ đông	19
Điều 17. Đại hội đồng cổ đông	19
Điều 18. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	21

Điều 19. Đại diện theo ủy quyền.....	23
Điều 20. Thay đổi các quyền.....	24
Điều 21. Mời họp, chương trình họp Đại hội đồng cổ đông.....	25
Điều 22. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	27
Điều 23. Thê thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	27
Điều 24. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua ..	29
Điều 25. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	30
Điều 26. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	32
Điều 27. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông	33
Điều 28. Hiệu lực của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.....	33
VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	34
Điều 29. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	34
Điều 30. Thành phần, nhiệm kỳ và tiêu chuẩn, điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị.....	35
Điều 31. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.....	36
Điều 32. Quyền hạn, nghĩa vụ và trách nhiệm của Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị.....	36
Điều 33. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.	39
Điều 34. Chủ tịch Hội đồng quản trị	40
Điều 35. Cuộc họp của Hội đồng quản trị.....	41
Điều 36. Biên bản họp Hội đồng quản trị	44
Điều 37. Người phụ trách quản trị Công ty.....	45
Điều 38. Thư ký Công ty.....	45
VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	46
Điều 39. Tổ chức bộ máy quản lý	46
Điều 40. Người điều hành doanh nghiệp	46
Điều 41. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng giám đốc.....	46
Điều 42. Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng	48
Điều 43. Bộ máy giúp việc.....	49

Điều 44. Tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng.....	49
IX. BAN KIỂM SOÁT	49
Điều 45. Ứng cử, đề cử thành viên Ban Kiểm soát viên.....	49
Điều 46. Thành phần Ban kiểm soát	50
Điều 47. Trưởng Ban kiểm soát.....	51
Điều 48. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát	52
X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC.....	53
Điều 49. Trách nhiệm cẩn trọng.....	53
Điều 50. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	53
Điều 51. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.....	55
XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	55
Điều 52. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ	55
XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN	56
Điều 53. Công nhân viên và công đoàn	56
XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN.....	56
Điều 54. Phân phối lợi nhuận.....	56
XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN.....	57
Điều 55. Tài khoản ngân hàng	57
Điều 56. Năm tài chính	58
Điều 57. Chế độ kế toán.....	58
XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	58
Điều 58. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý.....	58
Điều 59. Báo cáo thường niên.....	58
XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY	59
Điều 60. Kiểm toán	59
XVII. CON DẤU CỦA DOANH NGHIỆP	59
Điều 61. Con dấu của doanh nghiệp	59
XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ	59

Điều 62. Chấm dứt hoạt động	59
Điều 63. Gia hạn hoạt động.....	60
Điều 64. Thanh lý.....	60
XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ.....	61
Điều 65. Giải quyết tranh chấp nội bộ	61
XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	61
Điều 66. Điều lệ Công ty.....	61
XXI. NGÀY HIỆU LỰC.....	61
Điều 67. Ngày hiệu lực.....	61

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được Công ty Cổ phần Môi trường đô thị Đà Nẵng thông qua theo Nghị quyết số/NQ-ĐHĐCĐ ngày tháng 6 năm 2026 của Đại hội đồng cổ đông là cơ sở pháp lý cho mọi hoạt động của Công ty.

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - a) "Công ty" là Công ty Cổ phần Môi trường đô thị Đà Nẵng;
 - b) "Cổ đông" là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty cổ phần;
 - c) "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;
 - d) "Luật doanh nghiệp" là Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
 - đ) "Luật số 03/2022/QH15 của Quốc hội" là Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đầu tư công, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật nhà ở, Luật đấu thầu, Luật điện lực, Luật doanh nghiệp, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật thi hành án dân sự;
 - e) "Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp" là Luật số 76/2025/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2025;
 - g) "Luật chứng khoán" là Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
 - h) "Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước" là Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp số 68/2025/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 14 tháng 6 năm 2025;
 - i) "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;
 - k) "Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành" (sau đây gọi là thành viên không điều hành) là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quy định của Điều lệ Công ty.
 - l) "Người điều hành Công ty" là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác do Hội đồng quản trị (HĐQT) bổ nhiệm;

m) "Người quản lý Công ty" là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm;

n) "Nhà đầu tư chiến lược" là cổ đông đã ký Hợp đồng mua bán cổ phần Nhà đầu tư chiến lược với Công ty; có cam kết hợp tác hỗ trợ lâu dài cho Công ty sau khi cổ phần hóa về tài chính, kỹ thuật, quản trị doanh nghiệp, đào tạo nhân lực;

o) "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp được quy định tại khoản 23 Điều 4 Luật doanh nghiệp, khoản 46 Điều 4 Luật chứng khoán;

ô) "Người có quan hệ gia đình" bao gồm: vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng;

ơ) "Người nội bộ" là Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch Công ty, thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng thành viên, người đại diện theo pháp luật, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý tương đương do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch Công ty bổ nhiệm; Trưởng Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên), thành viên Ban kiểm toán nội bộ; thư ký công ty, người phụ trách quản trị công ty, người được ủy quyền công bố thông tin;

p) "Bí mật kinh doanh" là thông tin thu được từ hoạt động đầu tư tài chính, trí tuệ, chưa được bộc lộ và có khả năng sử dụng trong kinh doanh (theo khoản 23 Điều 4 Luật Sở hữu trí tuệ 2005)

q) "Vốn điều lệ" là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập Công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;

r) "Vốn có quyền biểu quyết" là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

s) "Thời hạn hoạt động" là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này;

t) "Việt Nam" là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty

- Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: **Công ty Cổ phần Môi trường đô thị Đà Nẵng.**

- Tên Công ty viết bằng tiếng Anh: **DANANG URBAN ENVIRONMENT JOINT STOCK COMPANY.**

- Tên Công ty viết tắt: **Công ty CP MTĐT Đà Nẵng.**

2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:

- Địa chỉ trụ sở chính: **Số 471 Núi Thành, P. Hòa Cường, TP. Đà Nẵng, Việt Nam.**

- Điện thoại: **0236 3622 007**

- E-mail: **ctmtdt@danang.gov.vn.**

- Website: **moitruongdothidanang.com.vn.**

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo khoản 2 Điều 62 hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 63 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

1. Số lượng người đại diện theo pháp luật của Công ty là một (01) người. Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

2. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là cá nhân đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật. Trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật thực hiện theo Điều 13 của Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải cư trú ở Việt Nam, phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật tại Công ty khi xuất cảnh khỏi Việt Nam.

4. Trường hợp hết hạn ủy quyền mà người đại diện theo pháp luật của Công ty chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì người được ủy quyền vẫn tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của công ty trong phạm vi đã được ủy quyền cho đến khi người đại diện theo pháp luật của Công ty trở lại làm việc, hoặc cho đến khi HĐQT quyết định cử người khác thay thế.

5. Trường hợp vắng mặt tại Việt Nam quá 30 (ba mươi) ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc bị chết, mất tích, tạm giam, kết án tù, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự thì Hội đồng quản trị cử người khác làm đại diện theo pháp luật của Công ty.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh chính của Công ty là:

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành
1	Thu gom rác thải không độc hại Chi tiết: Thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt, chất thải công nghiệp không nguy hại, chất thải y tế không nguy hại, chất thải hàng hải, phế thải xây dựng và hầm cầu.	3811 (chính)
2	Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại Chi tiết: Xử lý rác thải sinh hoạt, chất thải công nghiệp không nguy hại, chất thải y tế không nguy hại, chất thải hàng hải, phế thải xây dựng và hầm cầu.	3821
3	Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại Chi tiết: Xử lý chất thải nguy hại từ sinh hoạt và chất thải nguy hại từ các ngành công nghiệp, y tế, dịch vụ và nông nghiệp.	3822
4	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn các loại vật tư, thiết bị, hóa chất, vi sinh và các trang thiết bị liên quan đến lĩnh vực xử lý môi trường. Bán buôn các sản phẩm thu được từ tái chế, tái sử dụng chất thải.	4669
5	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác Chi tiết: Xử lý ô nhiễm môi trường các hệ thống sông, hồ, đầm, ao, vịnh biển và bờ biển.	3900
6	Thu gom rác thải độc hại Chi tiết: Thu gom, vận chuyển chất thải nguy hại từ sinh hoạt và chất thải nguy hại từ các ngành công nghiệp, y tế, dịch vụ và nông nghiệp.	3812

7	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Sửa chữa phương tiện, thiết bị trong lĩnh vực môi trường.	4520
8	Thoát nước và xử lý nước thải Chi tiết: Xử lý các loại nước thải, nước nhiễm bẩn, nhiễm dầu.	3700
9	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Tư vấn lập các hồ sơ, thủ tục dự án trong lĩnh vực môi trường và tư vấn chuyển giao công nghệ sản xuất phân bón hữu cơ vi sinh.	7490
10	Tái chế phế liệu Chi tiết: Tái chế, tái sử dụng chất thải.	3830
11	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh Chi tiết: Sản xuất các sản phẩm hóa, sinh, vi sinh trong xử lý môi trường, chăn nuôi, trồng trọt và nuôi trồng thủy sản.	2023
12	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan.	4661
13	Xây dựng công trình cấp, thoát nước Chi tiết: Xây dựng, sửa chữa, nạo vét mương cống, công trình xử lý nước thải; xây dựng và đầu tư xây dựng các công trình xử lý chất thải, xử lý môi trường.	4222
14	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt Chi tiết: Cung cấp dịch vụ vệ sinh công cộng, vỉa hè, đường phố, cống rãnh, ao hồ, đầm, trên sông, ven biển.	8129
15	Phá dỡ Chi tiết: Tháo dỡ công trình xây dựng.	4311
16	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: tư vấn thiết kế các công trình xử lý chất thải, xử lý môi trường.	7110

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty là:

a) Huy động và sử dụng có hiệu quả trong việc sản xuất kinh doanh nhằm sinh lợi tối đa, tạo việc làm ổn định với thu nhập ngày càng cao cho người lao động;

b) Tăng đầu tư, tăng phát triển, tăng tính tự chủ trong hoạt động của Công ty;

c) Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ đối với nhà nước, cung cấp dịch vụ vệ sinh môi trường đô thị trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, đảm bảo hiệu quả Công ty, không ngừng cải thiện đời sống, điều kiện làm việc, thu nhập cho người lao động, hoàn thành nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước và bảo đảm lợi ích tối đa cho cổ đông.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của Công ty đã được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành, nghề khác mà pháp luật không cấm và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần

1. Vốn điều lệ của Công ty là 57.736.000.000 đồng (Năm mươi bảy tỷ, bảy trăm ba mươi sáu triệu đồng).

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 5.773.600 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi (nếu có). Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 15, Điều 16 Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Công ty phải thông báo việc chào bán cổ phần, trong thông báo phải nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn đăng ký mua phù hợp (tối thiểu hai mươi ngày làm việc) để cổ đông có thể đăng ký mua. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.

6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với Luật chứng khoán, văn bản hướng dẫn liên quan và quy định của Điều lệ này.

7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là chứng chỉ do Công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty đó. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới mọi hình thức, người sở hữu cổ phiếu đó có thể đề nghị được cấp chứng nhận cổ phiếu mới. Đề nghị của người sở hữu bao gồm các nội dung sau đây:

a) Thông tin về cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại kèm theo bằng chứng về việc sở hữu cổ phần;

b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới;

c) Thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự) được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần, thừa kế cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

3. Cổ phần chuyển nhượng có điều kiện:

a) Cổ phần ưu đãi: số cổ phiếu ưu đãi mua thêm cho cổ đông là người lao động trong công ty mua không được chuyển nhượng trong thời gian cam kết; số cổ phần này được chuyển nhượng thành cổ phần phổ thông sau khi kết thúc thời gian cam kết.

Trường hợp công ty cổ phần thực hiện thay đổi cơ cấu, công nghệ hoặc thu hẹp sản xuất, kinh doanh theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền... dẫn tới người lao động phải chấm dứt hợp đồng lao động, thôi việc, mất việc theo quy định của Bộ Luật Lao động trước thời hạn đã cam kết thì số cổ phần đã được mua ưu đãi sẽ được chuyển đổi thành cổ phần phổ thông. Trường hợp người lao động có nhu cầu bán lại cho doanh nghiệp số cổ phần này thì công ty cổ phần có trách nhiệm mua lại với giá sát với giá giao dịch trên thị trường;

Trường hợp người lao động chấm dứt hợp đồng lao động trước thời hạn đã cam kết thì phải bán lại cho công ty cổ phần toàn bộ số cổ phần đã được mua với giá sát với giá giao dịch trên thị trường nhưng không vượt quá giá đã được mua tại thời điểm cổ phần hóa.

b) Cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược: Nhà đầu tư chiến lược không được chuyển nhượng số cổ phần mua trong thời hạn tối thiểu 05 (năm) năm, kể từ ngày công ty cổ phần được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu hoạt động theo Luật Doanh nghiệp. Trường hợp đặc biệt cần chuyển nhượng số cổ phần này trước thời hạn trên thì phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

4. Việc chuyển nhượng được thực hiện bằng hợp đồng theo cách thông thường hoặc thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán. Trường hợp chuyển nhượng bằng hợp đồng thì giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc đại diện ủy quyền của họ ký. Trường hợp chuyển nhượng thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán, trình tự, thủ tục và việc ghi nhận sở hữu thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

5. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng một số cổ phần thì cổ phiếu cũ bị hủy bỏ và Công ty phát hành cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần đã chuyển nhượng và số cổ phần còn lại.

6. Trường hợp cổ đông là cá nhân chết thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của cổ đông đó là cổ đông của Công ty. Trường hợp không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì số cổ phần đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.

7. Cổ đông có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình tại Công ty cho cá nhân, tổ chức khác; sử dụng cổ phần để trả nợ. Trường hợp này cá nhân, tổ chức được tặng cho hoặc nhận trả nợ bằng cổ phần sẽ là cổ đông của Công ty.

9. Tổ chức, cá nhân nhận cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều này chỉ trở thành cổ đông Công ty từ thời điểm các thông tin của họ quy định tại khoản 2 Điều 122 của Luật Doanh nghiệp được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông.

Điều 10. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán các khoản tiền có liên quan và lãi phát sinh theo tỷ lệ (không quá 10% một năm) vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

Điều 11. Mua lại cổ phần, điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại

1. Cổ phần của Công ty được mua bằng Đồng Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật, tài sản khác quy định tại Điều lệ Công ty và phải được thanh toán đủ một lần.

2. Cổ đông đã biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ này có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.

3. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 2 Điều này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 (ba) tổ chức thẩm định giá để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

4. Công ty có quyền mua lại không quá 30% (ba mươi phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi cổ tức đã bán theo quy định sau đây:

a) Hội đồng quản trị có quyền quyết định mua lại không quá 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần của từng loại đã bán trong thời hạn 12 (mười hai) tháng. Trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định;

b) Hội đồng quản trị quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại điểm c Điều này. Đối với cổ phần loại khác, nếu Điều lệ Công ty không quy định hoặc Công ty và cổ đông có liên quan không có thỏa thuận khác thì giá mua lại không được thấp hơn giá thị trường;

c) Công ty có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần của họ trong Công ty theo trình tự, thủ tục sau đây:

- Quyết định mua lại cổ phần của Công ty phải được thông báo bằng phương thức bảo đảm đến được tất cả cổ đông trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải gồm tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông bán cổ phần của họ cho Công ty;

- Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi văn bản đồng ý bán cổ phần của mình bằng phương thức bảo đảm đến được Công ty trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày thông báo. Văn bản đồng ý bán cổ phần phải có họ tên, địa chỉ liên lạc, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần sở hữu và số cổ phần đồng ý bán; phương thức thanh toán; chữ ký cổ đông hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông. Công ty chỉ mua lại cổ phần trong thời hạn nêu trên.

5. Công ty chỉ được thanh toán cổ phần được mua lại cho cổ đông theo quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 của Điều này nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, Công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.

6. Cổ phần được mua lại theo quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 của Điều này được coi là cổ phần chưa bán theo quy định tại khoản 4 Điều 112 của

Luật Doanh nghiệp. Công ty phải đăng ký giảm vốn điều lệ tương ứng với tổng mệnh giá các cổ phần được công ty mua lại trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại cổ phần, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác. Cổ phiếu xác nhận quyền sở hữu cổ phần đã được mua lại phải được tiêu hủy ngay sau khi cổ phần tương ứng đã được thanh toán đủ.

7. Trình tự thủ tục tiến hành việc mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông hoặc theo quyết định của Công ty và việc thanh toán, xử lý các cổ phần mua lại được thực hiện theo quy định tại Điều 134 Luật Doanh nghiệp, các điều khoản liên quan của Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật hiện hành.

Điều 12, Trả cổ tức

1. Cổ tức trả cho cổ phần ưu đãi được thực hiện theo các điều kiện áp dụng riêng cho mỗi loại cổ phần ưu đãi.

2. Cổ tức trả cho cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của Công ty. Công ty chỉ được trả cổ tức của cổ phần phổ thông khi có đủ các điều kiện sau đây:

a) Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;

b) Đã trích lập các quỹ Công ty và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;

c) Ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.

3. Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng cổ phần của Công ty. Nếu chi trả bằng tiền mặt thì phải được thực hiện bằng Đồng Việt Nam (VNĐ) và có thể được chi trả bằng séc, chuyển khoản hoặc lệnh trả tiền gửi bằng bưu điện đến địa phương thường trú hoặc địa chỉ liên lạc của cổ đông.

4. Cổ tức phải được thanh toán đầy đủ trong thời hạn 06 (sáu) tháng, kể từ ngày kết thúc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Hội đồng quản trị lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất 30 (ba mươi) ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức được gửi bằng phương thức bảo đảm đến cổ đông theo địa chỉ đăng ký trong sổ đăng ký cổ đông chậm nhất 15 (mười lăm) ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải có các nội dung sau đây:

a) Tên Công ty và địa chỉ trụ sở chính của Công ty;

b) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân;

c) Tên, mã số doanh nghiệp hoặc giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;

d) Số lượng cổ phần từng loại của cổ đông; mức cổ tức đối với từng cổ phần và tổng số cổ tức mà cổ đông đó được nhận;

e) Thời điểm và phương thức trả cổ tức;

f) Họ tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.

5. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ Công ty.

6. Trường hợp chi trả cổ tức bằng cổ phần, Công ty không phải làm thủ tục chào bán cổ phần theo quy định tại Điều 123, Điều 124, Điều 125 của Luật Doanh nghiệp. Công ty phải đăng ký vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị mệnh giá các cổ phần dùng để chi trả cổ tức trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán cổ tức.

Điều 13. Thu hồi tiền thanh toán cổ phần mua lại hoặc cổ tức

Trường hợp việc thanh toán cổ phần mua lại trái với quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty hoặc việc trả cổ tức trái với khoản 5 Điều 11 hoặc trả cổ tức trái với quy định tại Điều 12 Điều lệ này, cổ đông phải hoàn trả cho Công ty số tiền hoặc tài sản đã nhận. Trường hợp cổ đông không hoàn trả được cho Công ty thì cổ đông đó và tất cả thành viên Hội đồng quản trị phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số tiền, tài sản đã trả cho cổ đông mà chưa được hoàn lại.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 14. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát;
4. Tổng giám đốc.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 15. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

- a) Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa;
- b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c) Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;
- d) Ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;
- đ) Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác theo quy định tại khoản 3 Điều 141 Luật Doanh nghiệp. Yêu cầu bằng văn bản bao gồm các nội dung sau đây:
 - Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân;
 - Tên, mã số doanh nghiệp hoặc giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;
 - Số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng loại cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty;
 - Nội dung, mục đích cần xem xét, tra cứu, trích lục, sao chụp hoặc sửa đổi thông tin.
- e) Tiếp cận thông tin về danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông;
- ê) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông; Yêu cầu bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung như quy định tại điểm đ Khoản 2 Điều này;
- g) Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty sau khi Công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ các loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;
- h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 11 Điều lệ này;
- i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

k) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;

l) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

m) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% (năm phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền sau đây:

a) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật kinh doanh của công ty;

b) Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 115, Điều 140 Luật Doanh nghiệp năm 2020 và phải đảm bảo yêu cầu quy định tại khoản 18 Điều 1 Luật Doanh nghiệp sửa đổi năm 2025;

c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung quy định tại điểm e Khoản 2 Điều này;

d) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong có các quyền sau:

a) Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:

- Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

- Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

b) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

5. Cổ đông là người lao động trong Công ty nắm giữ cổ phần được mua ưu đãi theo thời gian cam kết làm việc lâu dài cho Công ty và cổ đông là Nhà đầu tư chiến lược nắm giữ cổ phần được mua theo hợp đồng cam kết của Nhà đầu tư chiến lược khi Công ty thực hiện cổ phần hóa có quyền và nghĩa vụ như đối với

cổ đông phổ thông khác ngoại trừ quyền tự do chuyển nhượng theo quy định tại Khoản 3 Điều 9 Điều lệ này.

6. Ngoài các quyền nêu trên, cổ đông là Nhà đầu tư chiến lược còn có thêm quyền hạn như quy định tại Hợp đồng mua bán cổ phần Nhà đầu tư chiến lược được ký kết giữa Công ty và cổ đông chiến lược.

Điều 16. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế nội bộ của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

3. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

- a) Tham dự và biểu quyết/bầu cử trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết/bầu cử tại cuộc họp;
- c) Tham dự và biểu quyết/bầu cử thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết/bầu cử đến cuộc họp thông qua thư, thư điện tử.

4. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định.

5. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần.

6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

- a) Vi phạm pháp luật;
- b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.

7. Cổ đông là Nhà đầu tư chiến lược còn có thêm trách nhiệm và nghĩa vụ như quy định tại Hợp đồng mua bán cổ phần Nhà đầu tư chiến lược được ký kết giữa Công ty và cổ đông chiến lược.

8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 17. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một (01) lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, Công ty có thể mời đại diện công ty kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để giải thích các nội dung liên quan.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 15 của Điều lệ này; yêu cầu phải bằng văn bản trong đó nêu rõ lý do, mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đầy đủ chữ ký của cổ đông liên quan;
- d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
- đ) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày xảy ra trường hợp quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu triệu tập họp quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp năm 2020. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty;

Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định nêu trên thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2020 và Điều lệ này.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí hợp lý cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại.

Điều 18. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
- c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
- d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ trường hợp Điều lệ Công ty quy định một tỷ lệ hoặc một giá trị khác;
- đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
- e) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
- g) Quyết định mua lại trên 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
- i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
- k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- l) Phê duyệt quy chế quản trị nội bộ; quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của công ty, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;
- n) Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó;

o) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Doanh nghiệp sửa đổi và Điều lệ Công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Báo cáo tài chính hằng năm;

c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;

d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc;

đ) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và Kiểm soát viên;

e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;

g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;

h) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của công ty Bàu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;

i) Tổng số tiền thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

k) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;

l) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần;

m) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

o) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;

ô) Dự án đầu tư/bán số tài sản có giá trị từ 35% (ba mươi lăm phần trăm) trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán;

p) Quyết định mua lại trên 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần phát hành của mỗi loại;

q) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp năm 2020 với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán;

r) Chấp thuận các giao dịch với cổ đông, Người quản lý Công ty và Người có liên quan theo quy định tại Khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Khoản 84 Điều 1 Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày

16/9/2025 của Chính phủ về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

s) Phê duyệt quy chế quản trị nội bộ; quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

t) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

4. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:

a) Thông qua các hợp đồng quy định tại khoản 2 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;

b) Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng với tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.

Điều 19. Đại diện theo ủy quyền

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp, ủy quyền bằng văn bản cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp năm 2020. Việc ủy quyền theo quy định sau đây:

a) Đối với cổ đông là cá nhân chỉ được ủy quyền cho 01 (một) cá nhân hoặc 01 (một) tổ chức khác dự họp;

b) Đối với cổ đông là tổ chức nắm giữ dưới 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được ủy quyền tối đa 02 (hai) cá nhân hoặc 02 (hai) tổ chức khác; từ 10% (mười phần trăm) đến dưới 50% (năm mươi phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được ủy quyền tối đa 03 (ba) cá nhân hoặc 03 (ba) tổ chức khác; từ 50% (năm mươi phần trăm) trở lên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được ủy quyền tối đa 04 (bốn) cá nhân hoặc 04 (bốn) tổ chức khác dự họp.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền và số lượng cổ phần được ủy quyền. Cá nhân, tổ chức được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp. Cụ thể:

a) Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;

b) Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;

c) Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

3. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

4. Phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền;

d) Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được thông báo mời họp lại.

Điều 20. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% (sáu mươi lăm phần trăm) cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% (sáu mươi lăm phần trăm) quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nêu trên biểu quyết thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu 75% (bảy mươi lăm phần trăm) tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% (bảy mươi lăm phần trăm) loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào

số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 21 và Điều 22 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 21. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 Điều lệ này.

2. Người triệu tập (Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông tại khoản 4 Điều 17) thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định tại Khoản 3 Điều 17 Điều lệ này.

3. Người triệu tập mời họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết/bầu cử tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 (mười) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;

b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;

c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;

d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;

đ) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

e) Xác định thời gian và địa điểm họp;

g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2020;

h) Công việc khác phục vụ cuộc họp.

4. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công

ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch). Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 (hai mươi một) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
- c) Thẻ hoặc Phiếu biểu quyết/bầu cử;
- d) Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;
- e) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

5. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 15 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất 07 (bảy) ngày làm việc trước phiên khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ họ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 5 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
- b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% (năm phần trăm) cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 3 Điều 15 Điều lệ này;
- c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

7. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 5 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 6 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 22. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi số cổ đông dự họp đại diện trên 50% (năm mươi phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai phải được gửi trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% (ba mươi ba phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 23. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết/phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử của cổ đông đó. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành, không có ý kiến, hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

3. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết/bầu cử tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết/bầu cử trước đó không thay đổi.

4. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị thông báo mời họp. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành đề Đại hội đồng cổ đông bầu chủ

tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp;

5. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

6. Chủ tọa đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ, có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.

7. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp, trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác.

8. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sau khi xem xét một cách cẩn trọng có quyền từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

9. Người triệu tập họp hoặc Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để:

a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

10. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp;

11. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 12 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

12. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia đại hội ở địa điểm chính của đại hội.

13. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thông qua hình thức trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp và Khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ.

Điều 24. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Nghị quyết, quyết định về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng số phiếu có quyền biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết dự họp tán thành (hoặc các đại diện được ủy quyền) hoặc từ 65% (sáu mươi lăm phần trăm) trở lên tổng số phiếu có quyền biểu quyết tán thành bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản chấp thuận, trừ các trường hợp quy định tại Khoản 4, 5 Điều này:

- a) Sửa đổi và bổ sung Điều lệ;
- b) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- c) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- d) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
- e) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán của Công ty;
- f) Tổ chức lại, giải thể Công ty.

3. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% (năm mươi phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành hoặc từ 50% (năm mươi phần trăm) trở lên tổng số phiếu có quyền biểu

quyết tán thành bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản chấp thuận trừ trường hợp quy định tại các khoản 2, 4 và 5 Điều này.

4. Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử. Nếu số ứng viên nhỏ hơn hoặc bằng số thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên cần bầu thì việc bầu thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát có thể được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu như trên hoặc thực hiện theo phương thức biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến). Tỷ lệ biểu quyết thông qua theo phương thức biểu quyết được thực hiện khoản 2 Điều này.

5. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% (bảy mươi lăm phần trăm) tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% (bảy mươi lăm phần trăm) tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

6. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% (một trăm phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

7. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 (hai mươi bốn) giờ kể từ thời điểm kết thúc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 25. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ thường niên;

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông có quyền biểu quyết chậm

nhất là 15 (mười lăm) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 21 của Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết/bầu cử của cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

f) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.

5. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:

a) Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Gửi thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

c) Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là người điều hành doanh nghiệp. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết/bầu cử đã tham gia biểu quyết/bầu cử, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết/bầu cử hợp lệ và số phiếu biểu

quyết/bầu cử không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết/bầu cử, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết/bầu cử;

d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề và tổng số phiếu bầu cử từng ứng viên;

e) Các vấn đề đã được thông qua;

f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

7. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản thực hiện theo Điều 25 Điều lệ này và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 26. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;

d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;

e) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;

f) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết/bầu cử của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán

thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h) Tổng hợp số phiếu bầu đối với từng ứng viên (nếu có);

i) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

j) Chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 27. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 15 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 6 Điều 24 của Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

Điều 28. Hiệu lực của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

1. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm có hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.

2. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 27 Điều lệ này, nghị

quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi quyết định hủy bỏ nghị quyết đó của Tòa án, Trọng tài có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 29. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ học vấn;
- c) Trình độ chuyên môn;
- d) Quá trình công tác;
- e) Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;
- f) Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
- g) Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
- h) Các thông tin khác (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Khoản 4 Điều 15 Điều lệ này. Việc đề cử số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị tùy theo tỷ lệ số cổ phần cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu so với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết như sau:

- a) Từ 10% (mười phần trăm) đến dưới 20% (hai mươi phần trăm) được đề cử tối đa 01 (một) ứng viên;
- b) Từ 20% (hai mươi phần trăm) đến dưới 30% (ba mươi phần trăm) được đề cử tối đa 02 (hai) ứng viên;
- c) Từ 30% (ba mươi phần trăm) đến dưới 40% (bốn mươi phần trăm) được đề cử tối đa 03 (ba) ứng viên;
- d) Từ 40% (bốn mươi phần trăm) đến dưới 50% (năm mươi phần trăm) được đề cử tối đa 04 (bốn) ứng viên;

e) Từ 50% (năm mươi phần trăm) đến dưới 60% (sáu mươi phần trăm) được đề cử tối đa 05 (năm) ứng viên;

f) Từ 60% (sáu mươi phần trăm) đến dưới 70% (bảy mươi phần trăm) được đề cử tối đa 06 (sáu) ứng viên;

g) Từ 70% (bảy mươi phần trăm) đến 80% (tám mươi phần trăm) được đề cử tối đa 07 (bảy) ứng viên;

h) Từ 80% (tám mươi phần trăm) đến dưới 90% (chín mươi phần trăm) được đề cử tối đa 08 (tám) ứng viên.

3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.

Điều 30. Thành phần, nhiệm kỳ và tiêu chuẩn, điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 (năm) người, trong đó có tối thiểu 01 thành viên không điều hành. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

3. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

4. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của Công ty.

5. Tiêu chuẩn, điều kiện:

a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp và khoản 6 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp năm 2025;

b) Được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên tại tối đa 05 công ty khác theo quy định tại Khoản 78 Điều 1 của Nghị định 245/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2025 của Chính Phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

c) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác;

d) Thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Tổng giám đốc và người quản lý khác của Công ty;

đ) Các điều kiện và tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật hiện hành, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế khác của Công ty theo từng thời điểm.

Điều 31. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

a) Thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm:

- Không đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Khoản 5 Điều 30 Điều lệ này hoặc bị pháp luật cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;

- Có đơn từ chức và được chấp nhận;

- Không còn là đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức theo quyết định của tổ chức đó;

- Là đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức, nhưng tổ chức đó không còn là cổ đông của Công ty.

b) Thành viên Hội đồng quản trị bị bãi nhiệm:

- Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;

- Không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.

2. Sau khi thành viên Hội đồng quản trị có đơn từ chức gửi Công ty thì tất cả quyền hạn và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị vẫn còn tiếp tục cho đến khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua miễn nhiệm.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá 1/3 (một phần ba) so với số quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá 1/3 (một phần ba).

Điều 32. Quyền hạn, nghĩa vụ và trách nhiệm của Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

- a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua;
- b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
- đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại Điểm a, b Khoản 4 Điều 11 Điều lệ này;
- e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
- g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- h) Quyết định hoạt động đầu tư, chuyển nhượng dự án đầu tư, chuyển nhượng vốn đầu tư của doanh nghiệp có giá trị dưới 50% vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp hoặc dưới 50% vốn đầu tư của chủ sở hữu trong trường hợp vốn chủ sở hữu thấp hơn vốn đầu tư của chủ sở hữu. Vốn chủ sở hữu, vốn đầu tư của chủ sở hữu được xác định theo báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm tại thời điểm gần nhất;
- i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
- k) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty và việc tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị; giám sát và ngăn ngừa xung đột lợi ích của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác, bao gồm việc sử dụng tài sản Công ty sai mục đích và lạm dụng giao dịch với các bên liên quan; giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với cán bộ quản lý đó;
- l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

n) Trình báo cáo tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông;

o) Đề xuất mức cổ tức hằng năm và xác định mức cổ tức tạm ứng; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh; Thực hiện chi trả cổ tức cho cổ đông theo quy định pháp luật sau khi đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua;

ô) Xây dựng và ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Xây dựng và ban hành Quy chế về công bố thông tin của Công ty và các quy chế khác theo pháp luật hiện hành để hoạt động quản trị Công ty một cách có hiệu quả;

p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể công ty; yêu cầu phá sản công ty;

q) Tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị công ty và các kỹ năng cần thiết cho thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (Giám đốc), Người phụ trách quản trị công ty và người quản lý khác của công ty;

r) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật, Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị thông qua các quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có 01 (một) phiếu biểu quyết; thành viên Hội đồng quản trị được ủy quyền cho người khác dự họp nếu được đa số các thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận.

5. Khi thực hiện các quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của pháp luật hiện hành, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ này, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, các quy định nội bộ khác của Công ty và thực hiện nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn

trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.

7. Thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan khi thực hiện giao dịch cổ phần của Công ty phải báo cáo Ủy ban chứng khoán nhà nước và thực hiện công bố thông tin về việc giao dịch này theo quy định của pháp luật.

8. Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm báo cáo với Hội đồng quản trị các vấn đề liên quan theo quy định của pháp luật.

Điều 33. Tiền lương, thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả tiền lương, thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật về lao động; căn cứ vào thỏa thuận trong hợp đồng lao động; hiệu quả sản xuất, kinh doanh, phù hợp với thị trường, ngành, nghề, tính chất hoạt động của doanh nghiệp; năng suất lao động, hiệu quả công việc và mức độ hoàn thành nhiệm vụ được quy định tại Nghị định số 248/2025/NĐ-CP ngày 15/9/2025 của Chính phủ và quy định pháp luật hiện hành để làm cơ sở thực hiện.

2. Thành viên Hội đồng quản trị tại Công ty được hưởng lương trong quỹ lương chung của doanh nghiệp. Thành viên Hội đồng quản trị được nhận thù lao cho công việc và thưởng. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được. Tiền thưởng của thành viên Hội đồng quản trị được trích từ lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp.

3. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong Báo cáo thường niên của Công ty. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ của Công ty.

Điều 34. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị là người chịu trách nhiệm điều hành các công tác của Hội đồng quản trị trong nhiệm kỳ của mình, xem xét và quyết định các công tác quản trị của Công ty theo các quy định của Điều lệ Công ty, các quy chế nội bộ và pháp luật hiện hành. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị; phân công các thành viên Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ thuộc trách nhiệm của Hội đồng quản trị; theo dõi, đôn đốc thành viên Hội đồng quản trị trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của mình;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; thông báo mời họp, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm

chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn xin từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

Điều 35. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 (một) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị họp ít nhất mỗi quý một lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị thông báo mời họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của Ban kiểm soát;
- b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 (năm) người quản lý khác;
- c) Có đề nghị của ít nhất 02 (hai) thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Trường hợp khác do Điều lệ Công ty quy định.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải thông báo mời họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không thông báo mời họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người thông báo mời họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp nếu Điều lệ Công ty không có quy định khác. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 (ba phần tư) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định thời hạn khác ngắn hơn. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn 1/2 (một nửa) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 (một) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Biểu quyết

a) Trừ quy định tại điểm b khoản 11 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 8 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có 01 (một) phiếu biểu quyết;

b) Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c) Theo quy định tại điểm d khoản 11 Điều này, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

d) Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 5 Điều 50 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;

12. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

13. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

14. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản đề thông qua Nghị quyết đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

15. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a) Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b) Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

Điều 36. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian, địa điểm họp;
- c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- đ) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong

thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.

Điều 37. Người phụ trách quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị của công ty đại chúng phải bổ nhiệm ít nhất 01 (một) người phụ trách quản trị công ty. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại Điều 38 Điều lệ này.

2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty.

3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa công ty và cổ đông;

b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d) Tham dự các cuộc họp;

đ) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

e) Cung cấp các thông tin tài chính, biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;

g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty;

h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;

j) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 38, Thư ký Công ty

Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm chỉ định 01 (một) hoặc nhiều người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;

b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;

d) Hỗ trợ công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;

đ) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ.

e) Thư ký công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 39. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết Hội đồng quản trị.

Điều 40. Người điều hành doanh nghiệp

1. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành doanh nghiệp khác (Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng) với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

2. Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những người điều hành doanh nghiệp khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc.

Điều 41. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 (một) thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc.

2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

3. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 (năm) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;

b) Không được là người có liên quan của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của công ty và công ty mẹ, người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty và công ty mẹ theo quy định tại điểm d khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán.

c) Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của công ty; người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty;

d) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của công ty.

4. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của công ty đã được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua;

d) Xây dựng và trình Hội đồng quản trị phê duyệt phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

e) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;

g) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

h) Ký kết hợp đồng nhân danh Công ty trừ các trường hợp thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

i) Trình báo cáo quyết toán tài chính hằng năm lên Hội đồng quản trị Công ty;

k) Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để Hội đồng quản trị quyết định;

l) Hằng năm, Tổng giám đốc xây dựng kế hoạch lao động, báo cáo Hội đồng quản trị phê duyệt làm cơ sở để tuyển dụng và sử dụng lao động; thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với người lao động theo quy định của pháp luật lao động và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;

m) Trước ngày 01 tháng 01 hàng năm, trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh cho năm tài chính tiếp theo;

n) Chuẩn bị các bản dự toán hàng quý, hàng năm và dài hạn (nếu có) của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý theo kế hoạch kinh doanh kèm theo báo cáo tài chính quý, năm theo quy định, phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua;

o) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Tổng giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Hội đồng quản trị. Trường hợp điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho Công ty thì Tổng giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Công ty.

6. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

Điều 42. Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng

1. Công ty có các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị Công ty bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng theo đề nghị của Tổng giám đốc Công ty.

2. Các Phó Tổng giám đốc giúp Tổng giám đốc Công ty trong việc điều hành Công ty theo phân công và ủy quyền của Tổng giám đốc; chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc, trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về nhiệm vụ được Tổng giám đốc phân công và ủy quyền.

3. Kế toán trưởng có nhiệm vụ tổ chức thực hiện công tác tài chính kế toán của Công ty, giúp Tổng giám đốc bảo toàn và phát triển vốn của Công ty; đề xuất các giải pháp và điều kiện tạo nguồn vốn cho nhu cầu sản xuất, kinh doanh, đầu tư phát triển Công ty; quản lý, kiểm tra, giám sát công tác tài chính kế toán của Công ty theo pháp luật về tài chính, kế toán; có các quyền hạn và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Kế toán trưởng chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc, Hội đồng quản trị và pháp luật về nhiệm vụ được phân công và ủy quyền. Tiêu chuẩn tuyển chọn Kế toán trưởng Công ty được thực hiện theo quy định của Luật Kế toán và các quy định của pháp luật.

4. Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng được bổ nhiệm, ký hợp đồng với thời hạn năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm, ký hợp đồng lại.

Điều 43. Bộ máy giúp việc

1. Bộ máy giúp việc gồm các phòng chuyên môn nghiệp vụ có chức năng tham mưu giúp việc cho Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Công ty trong việc quản lý điều hành sản xuất kinh doanh hằng ngày của Công ty.

2. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các phòng chuyên môn, nghiệp vụ, các đơn vị sản xuất trực thuộc được quy định tại quy chế, quyết định thành lập, quyết định giao nhiệm vụ của Hội đồng quản trị Công ty và theo quy chế quản lý nội bộ do Tổng giám đốc Công ty xây dựng trình Hội đồng quản trị phê duyệt, Hội đồng quản trị ký quyết định ban hành.

3. Trong quá trình hoạt động, Tổng giám đốc Công ty có quyền đề nghị Hội đồng quản trị Công ty thay đổi cơ cấu, định biên, số lượng và chức năng, nhiệm vụ của phòng chuyên môn, nghiệp vụ và đơn vị sản xuất phù hợp với yêu cầu hoạt động sản xuất của Công ty.

Điều 44. Tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng

1. Công ty có quyền trả lương cho Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng theo quy định của pháp luật về lao động; căn cứ vào thỏa thuận trong hợp đồng lao động; hiệu quả sản xuất, kinh doanh, phù hợp với thị trường, ngành, nghề, tính chất hoạt động của doanh nghiệp; năng suất lao động, hiệu quả công việc và mức độ hoàn thành nhiệm vụ.

2. Tiền lương và quyền lợi khác của Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị quyết định. Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng được hưởng lương trong quỹ lương chung của doanh nghiệp và tiền thưởng được trích từ lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp.

3. Tiền lương của Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng Công ty được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và báo cáo Đại hội đồng cổ đông trong cuộc họp thường niên.

IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 45. Ứng cử, đề cử thành viên Ban Kiểm soát viên

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1 Điều 29 Điều lệ này. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền gộp số cổ phần biểu quyết để đề cử ứng cử viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 4 Điều 15 Điều lệ này. Việc đề cử số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát tùy theo tỉ lệ số cổ phần cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu so với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết như sau:

a) Từ 10% (mười phần trăm) đến dưới 20% (hai mươi phần trăm) số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 01 (một) ứng viên;

b) Từ 20% (hai mươi phần trăm) đến dưới 30% (ba mươi phần trăm) được đề cử tối đa (02) hai ứng viên;

c) Từ 30% (ba mươi phần trăm) trở lên được đề cử tối đa 03 (ba) ứng viên.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

3. Trường hợp số lượng ứng viên do Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử theo Khoản 2 Điều này vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm tổ chức cho các cổ đông khác đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

4. Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 46. Thành phần Ban kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 03 (ba) người. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá 05 (năm) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy như sau:

a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm theo quy định Khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp năm 2020 và và khoản 6 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp năm 2025;

b) Không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

c) Không là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

d) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;

c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác;

d) Không phải là người quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty, trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác;

đ) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ Công ty.

3. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này, Kiểm soát viên không được là người có quan hệ gia đình với người đại diện phần vốn, người có thẩm quyền cử người đại diện phần vốn của UBND thành phố Đà Nẵng tại Công ty.

4. Thành viên Ban kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận. Thành viên Ban Kiểm soát khi có đơn từ chức, vẫn phải tiếp tục thực hiện các chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn cho đến khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

5. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát viên quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;

c) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

d) Theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

đ) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

Điều 47. Trưởng Ban kiểm soát

1. Các thành viên Ban kiểm soát bầu 01 (một) người trong số các thành viên Ban kiểm soát làm Trưởng Ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, quản trị kinh doanh, luật hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:

a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông;

d) Chuẩn bị chương trình cho các cuộc họp của Ban kiểm soát trên cơ sở xem xét các vấn đề và mối quan tâm của tất cả kiểm soát viên liên quan đến các vấn đề quy định về nhiệm vụ quyền hạn của Ban kiểm soát;

đ) Thay mặt Ban kiểm soát yêu cầu Hội đồng quản trị họp bất thường khi cần thiết để thực hiện nhiệm vụ của Ban kiểm soát; thay mặt Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường khi Hội đồng quản trị có hành vi vi phạm pháp luật theo quy định của Điều lệ này và pháp luật;

f) Thay mặt Ban kiểm soát ký các văn bản thuộc thẩm quyền của Ban kiểm soát;

g) Chuẩn bị kế hoạch làm việc và phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên của Ban kiểm soát theo quy định nội bộ của Ban kiểm soát;

h) Đảm bảo các thành viên Ban kiểm soát nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và dễ hiểu liên quan đến các vấn đề mà Ban kiểm soát phải xem xét; đảm bảo việc có đủ thời gian trước và trong các cuộc họp của Ban kiểm soát để thảo luận và cân nhắc các vấn đề phức tạp hoặc gây tranh cãi;

i) Giám sát chỉ đạo các thành viên Ban kiểm soát trong việc thực hiện nhiệm vụ được phân công và các nhiệm vụ quyền hạn chung của Ban kiểm soát;

j) Yêu cầu ghi lại ý kiến của mình trong biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị Công ty nếu ý kiến của mình khác với quyết định của Hội đồng quản trị;

k) Ủy quyền cho một thành viên khác của Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ của mình trong thời gian vắng mặt;

l) Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.

Điều 48. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170, Điều 171 Luật Doanh nghiệp năm 2020 và các quyền, nghĩa vụ sau:

a) Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty;

b) Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;

c) Giám sát tình hình tài chính công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác, đảm bảo sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông;

d) Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;

e) Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ.

f) Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên Công ty trong giờ làm việc.

g) Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Người phụ trách quản trị công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các nghị quyết, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị, các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác cung cấp cho cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho các Kiểm soát viên vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị.

h) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên dự họp.

3. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Kiểm soát viên được thanh toán các khoản chi phí ăn ở, đi lại và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát.

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 49. Trách nhiệm cẩn trọng

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 50. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.

4. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành doanh nghiệp khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính trừ trường hợp công ty đại chúng và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.

5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành doanh nghiệp khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành doanh nghiệp khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:

a) Đối với hợp đồng có giá trị nhỏ hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành doanh nghiệp khác đã được báo cáo tới Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b) Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn hoặc bằng ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành doanh nghiệp khác đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã thông qua hợp đồng hoặc giao dịch này;

c) Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua.

6. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành doanh nghiệp khác và các tổ chức, cá nhân có liên quan tới các thành viên

nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 51. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mất cân và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành doanh nghiệp, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mất cân vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.

3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:

Đã hành động trung thực, cẩn trọng, mất cân vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;

Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.

4. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 52. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nêu tại khoản 3 Điều 15 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các tài liệu này trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Công ty, trừ tài liệu liên

quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty. Yêu cầu kiểm tra đại diện được ủy quyền của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

3. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải đi kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

4. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ Công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 53. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch đề Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch đề Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 54. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty sau khi hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác; trích lập các quỹ Công ty và bù đắp đủ lỗ trước đó và bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.

2. Theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.

3. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

4. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

6. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

7. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 55. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 56. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đó.

Điều 57. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS), chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 58. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính năm và phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi/lỗ của Công ty trong năm tài chính, báo cáo tình hình tài chính phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.

3. Các báo cáo tài chính năm được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên) phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

4. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán trong giờ làm việc tại trụ sở chính của Công ty và phải trả mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

Điều 59. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 60. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.

2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị và công bố trong thời hạn tối đa 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

3. Bản sao của báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

4. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

XVII. CON DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 61. Con dấu của doanh nghiệp

1. Dấu bao gồm dấu được làm từ cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

2. Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 62. Chấm dứt hoạt động

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

- a) Kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn;
- b) Giải thể trước thời hạn theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;
- d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 63. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.

2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có từ (sáu mươi lăm phần trăm) 65% trở lên tổng số phiếu có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tán thành.

Điều 64. Thanh lý

1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

a) Các chi phí thanh lý;

b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;

c) Nợ thuế;

d) Các khoản nợ khác của Công ty;

e) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 65. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật doanh nghiệp, các quy định pháp luật khác, Điều lệ Công ty, các quy định giữa:

- a) Cổ đông với Công ty;
- b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay người điều hành khác;
- c) Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 10 (mười) ngày làm việc ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Trưởng Ban kiểm soát chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hoà giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 66. Điều lệ Công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 67. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 21 Chương 67 Điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Môi trường Đô thị Đà Nẵng nhất trí thông qua ngày tháng năm



2026 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau và được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên Hội đồng quản trị./.

Đà Nẵng, ngày.....tháng.....năm 2026

Người đại diện theo pháp luật

TỔNG GIÁM ĐỐC

Võ Minh Đức

DỰ THẢO

BIÊN BẢN
HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

- Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐÀ NẴNG.
- Trụ sở: 471 đường Núi Thành, phường Hòa Cường, thành phố Đà Nẵng.

Hôm nay, vào lúc 07h30 ngày 11/6/2026, tại Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Đà Nẵng, địa chỉ 471 đường Núi Thành, phường Hòa Cường, thành phố Đà Nẵng đã diễn ra cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 (sau đây gọi tắt là Đại hội).

I. THÀNH PHẦN THAM DỰ:

- Cổ đông theo báo cáo kết quả kiểm tra tư cách Cổ đông tham dự Đại hội;
- Hội đồng quản trị Công ty: /5 thành viên;
- Ban Kiểm soát Công ty: /3 thành viên;
- Ban Tổng Giám đốc Công ty: /4 thành viên;
- Đại diện các đơn vị và cá nhân có liên quan.

II. PHẦN NGHI THỨC ĐẠI HỘI

1. Giới thiệu Quy chế làm việc và thể lệ biểu quyết tại Đại hội:

Ban tổ chức trình bày Quy chế làm việc và thể lệ biểu quyết tại Đại hội, được Đại hội thông qua với% biểu quyết hiện diện tán thành.

2. Giới thiệu thành phần Chủ tọa:

Ban tổ chức giới thiệu thành phần Đoàn Chủ tọa của Đại hội theo danh sách như sau:

- Ông Phạm Thanh Phúc, Chủ tịch HĐQT - Chủ tọa Đại hội;
- Ông Võ Minh Đức, TV.HĐQT, Tổng giám đốc - Thành viên;
- Ông Nguyễn Thành Nam, TV.HĐQT - Thành viên.

3. Đại hội nghe báo cáo kết quả kiểm tra tư cách Cổ đông tham dự họp Đại hội:

Đại hội nghe Ông Diệp Nguyễn Thế Quang, Phó TP, Phụ trách P.KTTV - Trưởng Ban Kiểm tra tư cách cổ đông công bố Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông và tuyên bố cuộc họp Đại hội đủ điều kiện tiến hành. Cụ thể:

- a) Tổng số cổ đông của Công ty: cổ đông, trong đó:
- Cổ đông đại diện vốn Nhà nước:cổ đông.

- Cổ đông lớn:cổ đông.

- Cổ đông là người lao động Công ty và cổ đông khác:cổ đông.

b) Tổng số danh sách cổ đông đăng ký tham dự Đại hội: cổ đông, tương ứng với tổng số cổ phần đăng ký là cổ phần (Tính đến 15h00 ngày 08/6/2026), trong đó trực tiếp tham dự cổ đông, tương ứng với tổng số cổ phần là cổ phần (Tính đến 7h55 ngày 11/6/2026).

c) Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông trực tiếp tham dự Đại hội là cổ phần (*Bằng chữ: cổ phần./.*), bằng% số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

Do đó, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 đủ điều kiện để tiến hành theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

4. Giới thiệu thành phần Ban Kiểm phiếu:

Đoàn Chủ tọa đề nghị trước Đại hội thành phần Ban kiểm phiếu các nội dung của Đại hội và mời đại diện Cổ đông tham gia chứng kiến việc kiểm phiếu để đảm bảo tính độc lập, khách quan và minh bạch.

Đại hội đã biểu quyết thông qua với% biểu quyết tán thành thành phần Ban kiểm phiếu theo danh sách như sau:

- Ông Diệp Nguyễn Thế Quang, PTP, Phụ trách P.KTTV	Trưởng ban
- Bà Võ Thị Phụng, PTP, Phụ trách P.TCHC	Phó trưởng ban
- Bà Huỳnh Thị Xuân, Phó TP.KTTV	Thành viên
- Bà Lương Thị Mai Hoa, Phó TP.KTTV	Thành viên
- Bà Lê Thị Thanh Sương, nhân viên P. KTTV	Thành viên
- Bà Mai Thị Ánh Thu, nhân viên P. KTTV	Thành viên

III. PHẦN NỘI DUNG ĐẠI HỘI

Đoàn Chủ tọa tiến hành điều khiển Đại hội.

1. Chủ tọa chỉ định Ban Thư ký, gồm có:

- Bà Đỗ Thanh Hằng – Thư ký Công ty.
- Ông Lê Trung – Phó TP.KTMT.

2. Thông qua Chương trình làm việc tại Đại hội:

Ông Phạm Thanh Phúc, Chủ tịch Hội đồng quản trị - Chủ tọa trình bày Chương trình nghị sự tại Đại hội do Hội đồng quản trị đề xuất gồm các nội dung như sau:

- Quy chế làm việc và thể lệ biểu quyết tại Đại hội;
- Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Môi trường đô thị Đà Nẵng năm 2025 và phương hướng hoạt động năm 2026;
- Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2025;
- Thông qua Báo cáo Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026;

- Thông qua Tờ trình về việc thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC;
- Tờ trình về việc trích lập các quỹ, phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức năm 2025;
- Tờ trình về mức tiền lương, thù lao, thưởng năm 2025 và mức tiền lương kế hoạch năm 2026 của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- Tờ trình về việc chọn đơn vị Kiểm toán độc lập kiểm toán BCTC năm 2026;
- Dự thảo Điều lệ Công ty Cổ phần Môi trường đô thị Đà Nẵng ban hành lần 03, sửa đổi bổ sung lần 02;
- Các nội dung khác thuộc thẩm quyền của Đại hội theo quy định của Pháp luật và Điều lệ của Công ty (nếu có).

3. Thông qua Quy chế làm việc và thể lệ biểu quyết

Đại hội đã nghe Ông Diệp Nguyễn Thế Quang, Trưởng Ban Kiểm tra tư cách cổ đông trình bày Quy chế làm việc và thể lệ biểu quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.

Kết quả: Đại hội thông qua với% tổng số thẻ biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết tại Đại hội.

4. Thông qua nội dung chính tại Đại hội:

4.1. Thảo luận và thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị (HĐQT) năm 2025 và phương hướng hoạt động năm 2026:

Đại hội đã nghe Ông Phạm Thanh Phúc, Chủ tịch HĐQT trình bày Báo cáo số/BC-HĐQT ngày/...../2026 của Hội đồng quản trị với các nội dung chính như sau:

a) Về hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty năm 2025

- Đánh giá hoạt động của Công ty với các chỉ tiêu thực hiện cơ bản trong năm 2025 như sau:

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2025 (Nghị quyết 09/NQ- ĐHĐCĐ)	Thực hiện 2025	Tăng (+), giảm (-) (%)
A	A. Tổng doanh thu	274.624.878.514	289.227.933.762	+5,31%
1	Doanh thu cung cấp dịch vụ	270.425.859.996	283.206.407.945	+1,05%
2	Doanh thu cung cấp dịch vụ (ngoài đặt hàng)	3.462.962.963	5.119.816.250	+4,72%
3	Thu khác	736.055.556	901.709.567	+22,50%
B	Tổng chi phí	266.402.603.631	278.970.606.134	+ 4,71%
I	Chi phí trực tiếp sản xuất	250.110.490.297	263.995.212.846	+ 5,55%
II	Giá vốn	0	6.363.637	

III	Chi phí quản lý doanh nghiệp	15.738.247.734	14.408.135.440	-8,45%
IV	Chi phí khác	553.865.600	560.894.211	+1,26%
C	Lợi nhuận trước thuế	8.222.274.883	10.268.916.931	+24,89%

(Số liệu đã được kiểm toán)

- Khối lượng chất thải rắn thông thường tiếp nhận và xử lý thực hiện đến 31/12/2025: 572.838,17 tấn tăng gần 10% so với khối lượng thực hiện năm 2024 (520.769,58 tấn).

- Các chỉ tiêu tài chính đều vượt kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông phê duyệt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.

- Báo cáo hoạt động của HĐQT liên quan đến Đại hội đồng cổ đông, hoạt động của HĐQT trong công tác quản lý điều hành và công tác giám sát với Ban Tổng giám đốc. Báo cáo đã trình bày những kết quả đạt được trong việc chỉ đạo, giám sát hoạt động của Ban Tổng giám đốc; cũng như những tồn tại trong việc chậm đôn đốc hay xử lý việc chậm triển khai các ý kiến chỉ đạo của HĐQT.

b) Kế hoạch, phương hướng năm 2026:

*** Công tác quản trị:**

- Thực hiện xây dựng chỉnh sửa Điều lệ Công ty theo quy định của pháp luật hiện hành để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua;

- Xây dựng, điều chỉnh các quy chế như: Quản lý tài chính, chi tiêu nội bộ, khen thưởng, kỷ luật,...tuân thủ theo quy định của pháp luật và phù hợp với hoạt động của Công ty.

*** Công tác quản trị tài chính**

Hội đồng quản trị tập trung chú trọng Công tác quản lý tài chính tại Công ty bằng các biện pháp cụ thể như:

- Ban hành chi tiết kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 để theo dõi, kiểm soát doanh thu và chi phí;

- Nâng cao hiệu quả quản trị tài chính, tiết giảm chi phí hoạt động;

- Định kỳ yêu cầu báo cáo công tác kiểm tra, kiểm soát chi tiêu tài chính trong hoạt động kinh doanh, trong xây dựng cơ bản, mua sắm tài sản,...;

- Giám sát việc thực hiện các yêu cầu của Ban Kiểm soát đối với hoạt động tài chính;

- Yêu cầu báo cáo và cho phép việc phân bổ, hạch toán, xử lý các khoản nợ,..

- Công khai minh bạch tài chính đảm bảo theo quy định của Pháp luật. Thực hiện tốt công tác công bố thông tin và quan hệ cổ đông.

- Đề xuất Đại hội đồng cổ đông thống nhất ủy quyền Hội đồng quản trị thực hiện các nội dung quy định tại Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ và Khoản 84 Điều 1 Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025 của Chính phủ.

*** Công tác quản trị nhân sự**

- Chỉ đạo Ban điều hành tiếp tục thực hiện có hiệu quả phương án tái cơ cấu Công ty phù hợp với mô hình hoạt động chính quyền địa phương 2 cấp.

- Tiếp tục rà soát, hoàn thiện các Quy chế nội bộ của Công ty; cải tiến các quy trình sản xuất, hình thức quản lý không còn phù hợp; xây dựng, điều chỉnh đơn giá, mô hình khoán, quy chế trả lương thưởng và các nội quy, quy chế khác của Công ty phù hợp theo các quy định Nhà nước ban hành, điều chỉnh mới;

- Chú trọng công tác tuyển dụng, tăng cường đào tạo chuyên môn nghiệp vụ, định kỳ kiểm tra tay nghề nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ quản lý, người lao động,... đáp ứng các yêu cầu về nhân sự trong các gói thầu vệ sinh môi trường đô thị mà Công ty tham gia tại các phường, xã trong các giai đoạn tiếp theo.

- Đẩy mạnh nghiên cứu thực hiện cơ giới hóa phương tiện thu gom, vận chuyển rác tiến đến giảm dần các công việc thực hiện bằng hình thức thủ công, giảm số lượng lao động trực tiếp.

*** Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chính năm 2026**

- Tốc độ tăng trưởng tổng doanh thu tối thiểu 3% so với năm 2025;
- Lợi nhuận trước thuế tăng tối thiểu 1,2% so với năm 2025;
- Tỷ lệ chi trả cổ tức/vốn điều lệ tối thiểu 6%.

Kết quả: Đại hội thông qua với% tổng số thẻ biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết tại Đại hội.

4.2. Thảo thuận thông qua Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát (BKS) năm 2025:

Đại hội đã nghe Bà Võ Thị Mận, Trưởng Ban kiểm soát trình bày Báo cáo số/BC-BKS ngày/...../2026 của Ban Kiểm soát về giám sát, kiểm tra hoạt động tài chính năm 2025 của Công ty.

Kết quả: Đại hội thông qua với% tổng số thẻ biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết tại Đại hội.

4.3. Thảo thuận và thông qua Báo cáo của HĐQT về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026:

Đại hội đã nghe Ông Võ Minh Đức, TV.HĐQT, Tổng giám đốc Công ty trình bày Báo cáo số/BC-HĐQT ngày/.../2026 của HĐQT về Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026, với các nội dung chính như sau:

a) Đánh giá kết quả thực hiện năm 2025

- Công ty tiếp tục thực hiện khối lượng công việc đặt hàng 06 tháng đầu năm 2025 cơ bản theo khối lượng của Gói thầu thuê dịch vụ vệ sinh công cộng giai đoạn 2022-2024 trên địa bàn 6 quận và 01 huyện trên địa bàn Thành phố Đà Nẵng (các quận: Hải Châu, Sơn Trà, Cẩm Lệ, Ngũ Hành Sơn, Thanh Khê và huyện Hoà Vang). Từ ngày 01/7/2025, Công ty tiếp tục triển khai đảm bảo vệ sinh môi trường đô thị theo hình thức đặt hàng với tất cả các chủ đầu tư thay đổi theo mô hình chính quyền 02 cấp tại 14 phường, xã (Các phường: Hải Châu, Hòa Cường, Thanh Khê, An Khê, Cẩm Lệ, Ngũ Hành Sơn, Sơn Trà, An Hải, Hòa Xuân, Hòa Khánh, Liên Chiểu; các xã: Hòa Vang, Hòa Tiến, Bà Nà) đảm bảo công tác vệ

sinh môi trường được xuyên suốt và thực hiện nghiêm thu thanh quyết toán đúng đủ yêu cầu về chất lượng và giá trị. Qua đó góp phần vào việc bảo vệ môi trường nói chung và đảm bảo vệ sinh môi trường nói riêng trong giai đoạn sắp xếp, tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp được thuận lợi trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

- Trong năm 2025, Công ty đã thực hiện đảm bảo các hoạt động vệ sinh môi trường đô thị, vệ sinh sông Hàn, bãi biển, thu gom vận chuyển và xử lý rác tại bãi rác Khánh Sơn đảm bảo khối lượng, chất lượng theo yêu cầu Sở Nông nghiệp và Môi trường TP Đà Nẵng; Sở Văn hóa; Thể thao và Du lịch TP Đà Nẵng. Tăng cường công tác thu gom, vận chuyển rác thải dịp Tết nguyên đán Ất Tỵ năm 2025, phục vụ các Lễ, hội và sự kiện diễn ra tại Thành phố Đà Nẵng, đặc biệt là Lễ hội Pháo hoa quốc tế DIFF 2025 được Lãnh đạo UBND thành phố tặng Bằng khen, người dân và doanh nghiệp ghi nhận, đánh giá cao.

- Cung cấp dịch vụ xử lý chất thải rắn thông thường bằng biện pháp chôn lấp của Dự án Nâng cấp, cải tạo một số hạng mục tại bãi rác Khánh Sơn, hoàn thành cơ bản khối lượng Dự án Cải tạo, xây dựng mới một số công trình phụ trợ phục vụ công tác vận hành tại các ô chôn lấp từ 1-5 thuộc Khu liên hợp xử lý chất thải rắn Khánh Sơn do Sở Nông nghiệp và Môi trường TP Đà Nẵng làm chủ đầu tư, qua đó đảm bảo công tác xử lý rác thải được an toàn, thông suốt, không làm phát sinh các tình huống phải ngừng tiếp nhận xử lý rác thải tại bãi rác Khánh Sơn.

- Để phục vụ ngày càng tốt công tác vệ sinh môi trường, Công ty đã thực hiện đầu tư mua sắm, sửa chữa phương tiện công cụ dụng cụ, cụ thể:

+ Thực hiện mua sắm 4 xe ép rác loại 07m³ kiểu cặp thùng, nắp đáy nhằm tăng cường năng lực phương tiện phục vụ công tác cơ giới hóa thu gom rác thải trên địa bàn Thành phố.

+ Thực hiện mua sắm 01 xe ủi Komatsu D60-6 phục vụ san ủi tại bãi rác Khánh Sơn.

+ Thực hiện công tác đầu tư mua sắm 210 thùng rác 240 lít, 270 thùng rác 660 lít để bổ sung, thay thế các thùng rác hư hỏng phục vụ công tác thu gom rác thải và vệ sinh đô thị trên địa bàn Thành phố.

+ Thực hiện hoàn thành thủ tục mua sắm trang bị 01 xe quét hút hiện đại loại $\leq 01\text{m}^3$ kịp thời đưa vào hoạt động trong dịp Tết Nguyên Đán Bính Ngọ 2026.

- Công ty đã thực hiện quyết liệt công tác tái cơ cấu bộ máy tổ chức theo mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, trong năm đã thực hiện sáp nhập phòng Kỹ thuật và phòng Công nghệ Môi trường thành phòng “Kỹ thuật-Môi trường”, chấm dứt hoạt động của Chi nhánh Xí nghiệp Môi trường: Hải Châu, Thanh Khê, Cẩm Lệ 1, Cẩm Lệ 2, Sơn Trà, Ngũ Hành Sơn, Hoà Vang, Sông Biển và thành lập Chi nhánh Đội Môi trường: Hải Châu, Hoà Cường, Thanh Khê, Cẩm Lệ, Sơn Trà, Ngũ Hành Sơn, Hoà Vang và Sông Biển để giảm khâu trung gian, tinh gọn, nâng cao hiệu lực, hiệu quả của bộ máy tổ chức.

*** Các hạn chế, tồn tại**

Nhìn chung, Công ty đã có nhiều nỗ lực trong hoạt động điều hành sản xuất kinh doanh, tuy nhiên vẫn còn một số tồn tại, hạn chế ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh, cụ thể:

- Xuất phát từ các nguyên nhân khách quan dẫn đến việc điều chỉnh Giá dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt thay thế đơn giá tại Quyết định số 33/2017/QĐ-UBND ngày 18/11/2017 vẫn chưa được thực hiện, làm ảnh hưởng đến doanh thu và hiệu quả kinh doanh của Công ty trong năm 2025 và thời gian đến.

- Dừng triển khai đầu tư Dự án nâng cấp mở rộng khu xử lý chất thải nguy hại Khánh Sơn (Dự án Đầu tư nâng cấp mở rộng khu xử lý chất thải nguy hại Khánh Sơn triển khai từ năm 2020 nhưng vì nhiều lý do đến nay UBND thành phố Đà Nẵng đã có quyết định thu hồi đất của Dự án) cũng đã ảnh hưởng lớn đến hoạt động kinh doanh của Công ty trong thời gian đến.

- Việc tổ chức giám sát, kiểm tra chất lượng, tiến độ công việc thực hiện tại các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc đôi lúc còn chưa kịp thời và nghiêm túc dẫn đến tình trạng chậm tiến độ, chất lượng chưa đảm bảo;

- Chất lượng nguồn nhân lực của Công ty vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu trong tình hình mới, chưa có giải pháp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

- Vẫn còn tình trạng không đảm bảo công tác vệ sinh đô thị và thu gom rác thải tại một số thời điểm, còn tình trạng công nhân thực hiện thao tác công việc không đúng quy định trong hoạt động thu gom rác thải để người dân phản ánh và Lãnh đạo Thành phố có ý kiến đối với Công ty.

- Công ty vẫn thiếu các giải pháp mang tính đột phá để nâng cao năng suất lao động, cải thiện năng lực cạnh tranh trong giai đoạn hiện nay, nhằm tạo sự phát triển bền vững cho Công ty trong thời gian đến.

c) Chỉ tiêu tài chính kinh doanh năm 2026:

Chỉ tiêu	THỰC HIỆN 2025 (ĐVT: Đồng)	KẾ HOẠCH 2026 (ĐVT: Đồng)	26/25 (%)
A. Tổng doanh thu	289.227.933.762	313.295.582.305	108,32
1. Doanh thu cung cấp dịch vụ	283.206.407.945	307.684.022.006	108,64
2. Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	5.119.816.250	4.641.560.741	90,66
3. Thu khác	901.709.567	969.999.559	107,57
B. Tổng chi phí	278.959.016.831	302.540.281.216	108,45
I. Chi phí trực tiếp sản xuất	263.991.416.136	285.744.150.483	108,24
1. Nguyên, nhiên, vật liệu	51.357.418.912	70.624.878.739	137,52
2. Tiền lương, tiền công	101.375.834.478	107.805.745.051	106,34
3. Khấu hao tài sản cố định	7.456.658.636	8.880.032.036	119,09
4. Kinh phí công đoàn	1.482.159.397	1.548.353.210	104,47
5. Dịch vụ mua ngoài	61.290.954.548	58.901.785.141	96,10

6. Chi phí bằng tiền khác	41.028.390.165	37.983.356.306	92,58
II. Giá vốn	6.363.637	6.363.637	100,00
III. Chi phí quản lý doanh nghiệp	14.408.135.440	16.191.665.478	112,38
IV. Chi phí khác	553.101.618	598.101.618	108,14
C. Lợi nhuận trước thuế	10.268.916.931	10.755.301.090	104,74
D. Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.133.989.220	1.187.700.278	104,74
E. Lợi nhuận sau thuế	9.134.927.711	9.567.600.812	104,74
F. Tỷ lệ chia cổ tức	6,0%	≥ 6%	
G. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE)		11,55%	

d) Kế hoạch đầu tư mua sắm và xây dựng cơ bản năm 2026

*** Dự án đầu tư và xây dựng cơ bản**

- Đề xuất và hoàn thành công tác giải tỏa, đền bù các nội dung thuộc Dự án Đầu tư, nâng cấp mở rộng khu xử lý chất thải nguy hại tại bãi rác Khánh Sơn;

- Tiếp tục nghiên cứu, đề xuất phương án đầu tư khai thác có hiệu quả các lô đất được Thành phố, các địa phương cho thuê, giao Công ty sử dụng.

*** Mua sắm tài sản, công cụ dụng cụ**

- Mua sắm 02 xe ủi phục vụ san ủi tại bãi rác Khánh Sơn; 01 xe tải loại 2,5 tấn phục vụ sản xuất; 300 thùng 660 lít và 150 thùng 240 lít. Công ty sử dụng nguồn vốn hiện có và tính vào giá thành, phân bổ chi phí thu hồi vốn.

- Đầu tư 6 xe ép rác loại 3,5 tấn và 4,5 tấn kiểu cặp thùng, nắp đập phục vụ công tác cơ giới hóa. Sử dụng nguồn vốn Công ty và Vốn vay (Quỹ đầu tư phát triển thành phố Đà Nẵng).

Kết quả: Đại hội thông qua với% tổng số thẻ biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết tại Đại hội.

4.4. Thảo luận, thông qua Tờ trình về việc thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán:

Đại hội đã nghe Bà Võ Thị Huỳnh Trang, Phó Tổng giám đốc Công ty trình bày Tờ trình số .../TTr-HĐQT ngày .../.../2026 của HĐQT về việc thông qua báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán.

Kết quả: Đại hội thông qua với% tổng số thẻ biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết tại Đại hội.

5. Các nội dung trình, để Đại hội đồng cổ đông thảo luận, biểu quyết thông qua:

5.1. Đại hội đã nghe Ông Võ Minh Đức, Tổng giám đốc Công ty trình bày Tờ trình số .../TTr-HĐQT ngày .../.../2026 của HĐQT về việc trích lập các quỹ, phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức năm 2025, như sau:

- Lợi nhuận sau thuế: 9.134.927.711 đồng, được phân bổ như sau:

+ Bù đắp lợi nhuận sau thuế âm do điều chỉnh số liệu từ quý 4 năm 2015 đến năm 2018: 485.128.013 đồng;

- Đại hội góp ý, biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp với kết quả biểu quyết như*

- Tổng số phiếu biểu quyết phát ra là phiếu, tổng số phiếu biểu quyết thu về là ... phiếu tương ứng với cổ phần, trong đó:

- **Kết quả:** Căn cứ quy định tại Điều lệ Công ty, Đại hội đồng cổ đông thống nhất% thống nhất thông qua phương án trích lập các quỹ, phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức năm 2025.

5.2. Đại hội đã nghe Bà Hoàng Thị Ngọc Hiếu, TV.HĐQT, Phó Tổng giám đốc Công ty trình bày Tờ trình số/TTr-HĐQT ngày .../.../2025 của Hội đồng quản trị về mức tiền lương, thù lao, thưởng năm 2025 và mức tiền lương kế hoạch năm 2026 của HĐQT và BKS như sau:

Tổng tiền lương, thù lao và thưởng của HĐQT, Ban Kiểm soát thực hiện năm 2025 là: **1.603.800.000** đồng. Trong đó, tổng tiền lương, thù lao là 1.444.800.000 đồng và tổng tiền thưởng là 159.000.000 đồng.

- 9

- + Tiền lương: 280.800.000 đồng;
- + Tiền thưởng Lễ, Tết: 18.500.000 đồng;
- Kiểm soát viên không chuyên trách (2 người):
- + Thù lao: 108.000.000 đồng;
- + Tiền Lễ, Tết: 36.000.000 đồng.

b) Thông qua mức tiền lương kế hoạch của HĐQT, BKS năm 2026:

Tổng tiền lương của HĐQT, BKS là: **1.444.800.000** đồng. Trong đó:

- Tiền lương HĐQT chuyên trách (3 người): 948.000.000 đồng;
- Tiền lương HĐQT không chuyên trách (2 người): 108.000.000 đồng;
- Tiền lương của Kiểm soát viên chuyên trách (1 người): 280.800.000 đồng;
- Tiền lương của Kiểm soát viên không chuyên trách (2 người): 108.000.000 đồng.

c) Quỹ tiền lương, Quỹ thù lao và Quỹ tiền thưởng của người quản lý Công ty thực hiện theo: Nghị định số 248/2025/NĐ-CP ngày 15/9/2025 của Chính phủ Quy định chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của người đại diện chủ sở hữu trực tiếp, người đại diện phần vốn nhà nước và Kiểm soát viên trong doanh nghiệp nhà nước.

Đại hội góp ý, biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp với kết quả biểu quyết như sau:

- Tổng số phiếu biểu quyết phát ra là phiếu, tổng số phiếu biểu quyết thu về là ... phiếu tương ứng với cổ phần, trong đó:

- + Số phiếu hợp lệ: phiếu, tương ứng với cổ phần, chiếm tỷ lệ%
- + Số phiếu không hợp lệ: phiếu, tương ứng với ... cổ phần, chiếm tỷ lệ ...%
- + Số phiếu biểu quyết tán thành thông qua: ... phiếu, tương ứng ... cổ phần, chiếm tỷ lệ% ;
- + Số phiếu biểu quyết không tán thành thông qua: phiếu, tương ứng cổ phần, chiếm tỷ lệ% ;
- + Số phiếu biểu quyết không có ý kiến: phiếu, tương ứng cổ phần, chiếm tỷ lệ% ;

- Kết quả: Căn cứ quy định tại Điều lệ Công ty, Đại hội đồng cổ đông thống nhất ...% thông qua số liệu về tiền lương, thù lao, thưởng năm 2025 và mức tiền lương kế hoạch năm 2026 của HĐQT, BKS. Đại hội thống nhất ủy quyền cho HĐQT phê duyệt Quyết toán tiền lương, thù lao, thưởng thực hiện năm 2025 và mức tiền lương kế hoạch năm 2026 của HĐQT, BKS sau khi nhận được văn bản chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền.

5.3. Đại hội đã nghe Bà Võ Thị Mận, Trưởng Ban kiểm soát trình bày Tờ trình số/TTr-BKS ngày .../.../2026 của Ban Kiểm soát về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập Báo cáo tài chính năm 2026:

Ban Kiểm soát trình Đại hội xem xét lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC là đơn vị kiểm toán độc lập Báo cáo tài chính năm 2026 của Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Đà Nẵng.

Đại hội góp ý, biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp với kết quả biểu quyết như sau:

- Tổng số phiếu biểu quyết phát ra là phiếu, tổng số phiếu biểu quyết thu về là ... phiếu tương ứng với cổ phần, trong đó:

+ Số phiếu hợp lệ: phiếu, tương ứng với cổ phần, chiếm tỷ lệ%

+ Số phiếu không hợp lệ: phiếu, tương ứng với ... cổ phần, chiếm tỷ lệ ...%

+ Số phiếu biểu quyết tán thành thông qua: ... phiếu, tương ứng ... cổ phần, chiếm tỷ lệ% ;

+ Số phiếu biểu quyết không tán thành thông qua: phiếu, tương ứng cổ phần, chiếm tỷ lệ% ;

+ Số phiếu biểu quyết không có ý kiến: phiếu, tương ứng cổ phần, chiếm tỷ lệ% ;

- **Kết quả:** Căn cứ quy định tại Điều lệ Công ty, Đại hội đồng cổ đông thống nhất% chọn Công ty TNHH Kiểm toán và kế toán AAC là đơn vị kiểm toán độc lập Báo cáo tài chính năm 2025.

5.4. Đại hội đã nghe Ông Phạm Thanh Phúc, Chủ tịch HĐQT trình bày Dự thảo Điều lệ Công ty Cổ phần Môi trường đô thị Đà Nẵng ban hành lần 03, sửa đổi bổ sung lần 02.

Đại hội góp ý, biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp với kết quả biểu quyết như sau:

- Tổng số phiếu biểu quyết phát ra là phiếu, tổng số phiếu biểu quyết thu về là ... phiếu tương ứng với cổ phần, trong đó:

+ Số phiếu hợp lệ: phiếu, tương ứng với cổ phần, chiếm tỷ lệ%

+ Số phiếu không hợp lệ: phiếu, tương ứng với ... cổ phần, chiếm tỷ lệ ...%

+ Số phiếu biểu quyết tán thành thông qua: ... phiếu, tương ứng ... cổ phần, chiếm tỷ lệ% ;

+ Số phiếu biểu quyết không tán thành thông qua: phiếu, tương ứng cổ phần, chiếm tỷ lệ% ;

+ Số phiếu biểu quyết không có ý kiến: phiếu, tương ứng cổ phần, chiếm tỷ lệ% ;

- **Kết quả:** Căn cứ quy định tại Điều lệ Công ty, Đại hội đồng cổ đông thống nhất% nội dung Dự thảo Điều lệ Công ty Cổ phần Môi trường đô thị Đà Nẵng ban hành lần 03.

IV. BIỂU QUYẾT THÔNG QUA BIÊN BẢN ĐẠI HỘI VÀ NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI

Thư ký Đại hội đã đọc lại toàn bộ nội dung dự thảo Biên bản Đại hội và dự thảo Nghị quyết đại hội trước toàn thể Đại hội và đã được Đại hội biểu quyết thông qua 100%.

Ông Phạm Thanh Phúc, Chủ tịch HĐQT, Chủ tọa Đại hội tuyên bố bế mạc Đại hội.

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Môi trường đô thị Đà Nẵng kết thúc lúc 10 giờ 30 phút cùng ngày./.

TM. BAN THƯ KÝ

**TM. BAN CHỦ TỌA ĐẠI HỘI
CHỦ TỌA**

Đỗ Thanh Hằng

**Phạm Thanh Phúc
Chủ tịch HĐQT**

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT
HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐÀ NẴNG

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Môi trường đô thị Đà Nẵng được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 29 tháng 6 năm 2022;

Căn cứ Quy chế Quản trị Công ty Cổ phần Môi trường đô thị Đà Nẵng được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 29 tháng 6 năm 2022;

Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Môi trường đô thị Đà Nẵng ngày 11/6/2026,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2025 và phương hướng hoạt động năm 2026.

Thông nhất ủy quyền Hội đồng quản trị thực hiện các nội dung quy định tại Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ và Khoản 84 Điều 1 Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025 của Chính phủ.

Điều 2. Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2025.

Điều 3. Thông qua Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 với các chỉ tiêu chính như sau:

1. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025:

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2025 (Nghị quyết 09/NQ- ĐHĐCĐ)	Thực hiện 2025	Tăng (+), giảm (-) (%)
A	A. Tổng doanh thu	274.624.878.514	289.227.933.762	+5,31%
1	Doanh thu cung cấp dịch vụ	270.425.859.996	283.206.407.945	+1,05%
2	Doanh thu cung cấp dịch vụ (ngoài đặt hàng)	3.462.962.963	5.119.816.250	+4,72%
3	Thu khác	736.055.556	901.709.567	+22,50%
B	Tổng chi phí	266.402.603.631	278.970.606.134	+ 4,71%
I	Chi phí trực tiếp sản xuất	250.110.490.297	263.995.212.846	+ 5,55%
II	Giá vốn	0	6.363.637	

III	Chi phí quản lý doanh nghiệp	15.738.247.734	14.408.135.440	-8,45%
IV	Chi phí khác	553.865.600	560.894.211	+1,26%
C	Lợi nhuận trước thuế	8.222.274.883	10.268.916.931	+24,89%

2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026:

2.1. Chỉ tiêu tài chính kinh doanh năm 2026:

Chỉ tiêu	THỰC HIỆN 2025 (ĐVT: Đồng)	KẾ HOẠCH 2026 (ĐVT: Đồng)	26/25 (%)
A. Tổng doanh thu	289.227.933.762	313.295.582.305	108,32
1. Doanh thu cung cấp dịch vụ	283.206.407.945	307.684.022.006	108,64
2. Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	5.119.816.250	4.641.560.741	90,66
3. Thu khác	901.709.567	969.999.559	107,57
B. Tổng chi phí	278.959.016.831	302.540.281.216	108,45
I. Chi phí trực tiếp sản xuất	263.991.416.136	285.744.150.483	108,24
1. Nguyên, nhiên, vật liệu	51.357.418.912	70.624.878.739	137,52
2. Tiền lương, tiền công	101.375.834.478	107.805.745.051	106,34
3. Khấu hao tài sản cố định	7.456.658.636	8.880.032.036	119,09
4. Kinh phí công đoàn	1.482.159.397	1.548.353.210	104,47
5. Dịch vụ mua ngoài	61.290.954.548	58.901.785.141	96,10
6. Chi phí bằng tiền khác	41.028.390.165	37.983.356.306	92,58
II. Giá vốn	6.363.637	6.363.637	100,00
III. Chi phí quản lý doanh nghiệp	14.408.135.440	16.191.665.478	112,38
IV. Chi phí khác	553.101.618	598.101.618	108,14
C. Lợi nhuận trước thuế	10.268.916.931	10.755.301.090	104,74
D. Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.133.989.220	1.187.700.278	104,74
E. Lợi nhuận sau thuế	9.134.927.711	9.567.600.812	104,74
F. Tỷ lệ chia cổ tức	6,0%	≥ 6%	
G. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE)		11,55%	

2.2. Dự án đầu tư, mua sắm tài sản, phương tiện

a. Dự án đầu tư và xây dựng cơ bản

- Đề xuất và hoàn thành công tác giải tỏa, đền bù các nội dung thuộc Dự án Đầu tư, nâng cấp mở rộng khu xử lý chất thải nguy hại tại bãi rác Khánh Sơn;

- Tiếp tục nghiên cứu, đề xuất phương án đầu tư khai thác có hiệu quả các lô đất được Thành phố, các địa phương cho thuê, giao Công ty sử dụng.

b. Mua sắm tài sản, công cụ dụng cụ

- Mua sắm 02 xe ủi phục vụ san ủi tại bãi rác Khánh Sơn; 01 xe tải loại 2,5 tấn phục vụ sản xuất; 300 thùng 660 lít và 150 thùng 240 lít.

Nguồn vốn: sử dụng nguồn vốn hiện có và tính vào giá thành, phân bổ chi phí thu hồi vốn.

- Đầu tư 6 xe ép rác loại 3,5 tấn và 4,5 tấn kiểu cặp thùng, nắp đáy phục vụ công tác cơ giới hóa.

Nguồn vốn: Sử dụng nguồn vốn Công ty và vốn vay (Quỹ đầu tư phát triển thành phố Đà Nẵng và các tổ chức tín dụng khác).

Điều 4. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC.

Điều 5. Biểu quyết thông qua các nội dung chính của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông năm 2026, như sau:

1. Trích lập các quỹ, phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức năm 2025

- Lợi nhuận sau thuế: 9.134.927.711 đồng, được phân bổ như sau:

+ Bù đắp lợi nhuận sau thuế âm do điều chỉnh số liệu từ quý 4 năm 2015 đến năm 2018: 485.128.013 đồng;

+ Trích Quỹ đầu tư phát triển: 2.162.449.924 đồng;

+ Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi của người lao động, Ban điều hành, Thành viên hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát : 3.021.569.774 đồng;

+ Chia cổ tức: 3.465.780.000 đồng (Tỷ lệ cổ tức/ Vốn điều lệ = 6,0%). Đại hội đồng cổ đông thống nhất chia hết cổ tức bằng tiền VNĐ, giao Hội đồng quản trị quyết định thời điểm chốt danh sách cổ đông, thời điểm chi trả cổ tức theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

2. Thông qua quyết toán tiền lương, thù lao, thưởng năm 2025 và mức tiền lương kế hoạch năm 2026 của Hội đồng quản trị (HĐQT) và Ban Kiểm soát (BKS) như sau:

a) Thông qua quyết toán tiền lương, thù lao, thưởng HĐQT, BKS thực hiện năm 2025:

Tổng tiền lương, thù lao và thưởng của HĐQT, Ban Kiểm soát thực hiện năm 2025 là: **1.603.800.000** đồng. Trong đó, tổng tiền lương, thù lao là 1.444.800.000 đồng và tổng tiền thưởng là 159.000.000 đồng.

- Thành viên HĐQT chuyên trách (3 người):

+ Tiền lương: 948.000.000 đồng;

+ Tiền thưởng Lễ, Tết: 68.500.000 đồng;

- Thành viên HĐQT không chuyên trách (2 người):

+ Thù lao: 108.000.000 đồng;

+ Tiền thưởng Lễ, Tết: 36.000.000 đồng.

- Kiểm soát viên chuyên trách (1 người):

+ Tiền lương: 280.800.000 đồng;

+ Tiền thưởng Lễ, Tết: 18.500.000 đồng;

- Kiểm soát viên không chuyên trách (2 người):

+ Thù lao: 108.000.000 đồng;



+ Tiền Lễ, Tết: 36.000.000 đồng.

b) Thông qua mức tiền lương kế hoạch của HĐQT, BKS năm 2026:

Tổng tiền lương của HĐQT, BKS là: **1.444.800.000** đồng. Trong đó:

- Tiền lương HĐQT chuyên trách (3 người): 948.000.000 đồng;
- Tiền lương HĐQT không chuyên trách (2 người): 108.000.000 đồng;
- Tiền lương của Kiểm soát viên chuyên trách (1 người): 280.800.000 đồng;
- Tiền lương của Kiểm soát viên không chuyên trách (2 người): 108.000.000 đồng.

c) Quỹ tiền lương, Quỹ thù lao và Quỹ tiền thưởng của người quản lý Công ty thực hiện theo: Nghị định số 248/2025/NĐ-CP ngày 15/9/2025 của Chính phủ Quy định chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của người đại diện chủ sở hữu trực tiếp, người đại diện phần vốn nhà nước và Kiểm soát viên trong doanh nghiệp nhà nước.

3. Thống nhất chọn Công ty TNHH Kiểm toán và kế toán AAC là đơn vị kiểm toán độc lập Báo cáo tài chính năm 2026 của Công ty Cổ phần Môi trường đô thị Đà Nẵng.

4. Thống nhất điều chỉnh Điều lệ Công ty Cổ phần Môi trường đô thị Đà Nẵng ban hành lần 03, sửa đổi bổ sung lần 02.

Điều 6. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua và có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Đại hội đồng cổ đông thống nhất giao HĐQT chịu trách nhiệm tổ chức, chỉ đạo đơn đốc, theo dõi thực hiện các nội dung đã được cổ đông thống nhất, biểu quyết thông qua tại cuộc họp Đại hội cổ đông thường niên năm 2026 theo đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ, Quy chế của Công ty.

3. Quý cổ đông Công ty; Thành viên: Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát; Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Môi trường đô thị Đà Nẵng chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- Như Khoản 3, Điều 6;
- UBCK Nhà nước;
- UBND TP Đà Nẵng;
- Các Sở: NN&MT, TC;
- Website Công ty;
- Lưu: VT, HĐQT.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**

**Phạm Thanh Phúc
Chủ tịch HĐQT**